



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

7

Tháng 4 - 2016

BỘ XÂY DỰNG SƠ KẾT CÔNG TÁC QUÝ I, TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ QUÝ II/2016

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2016



Quang cảnh cuộc họp



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tặng hoa chúc mừng tân Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

7

SỐ 7 - 4/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Hướng dẫn Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng 5
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng 7
- Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng 11

Văn bản của địa phương

- UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn trong lĩnh vực xi măng 17
- Nghiệm thu đề tài “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại” 18
- Nghiệm thu Dự thảo tiêu chuẩn của Viện Vật liệu xây dựng 20
- Bê tông xuyên sáng 21
- Quy hoạch chiến lược và quản lý chiến lược trong đô thị 24
- Trung Quốc thúc đẩy tài nguyên hóa rác thải 27
- Con đường phát triển xanh tại các thành phố vừa và nhỏ của Trung Quốc 29

Thông tin

- Bộ Xây dựng và GIZ ký kết Thỏa thuận hợp tác thực hiện Dự án quản lý nước thải tại các đô thị Việt Nam 32
- Cuộc họp lần thứ 2 Ban điều phối chung Dự án CCQS 33
- Bộ Xây dựng sơ kết công tác Quý I, triển khai nhiệm vụ Quý II/2016 35
- Các đặc điểm về thể chế trong nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội của LB Nga 37
- Trào lưu nhà thuyền tại Mỹ 41
- Biện pháp giải quyết và những vấn đề trong xây dựng thành phố “bọt biển” tại tỉnh An Huy, Trung Quốc 43
- Hoàn thiện cơ chế và thúc đẩy cải tạo nhà ở xuống cấp quy mô lớn - kinh nghiệm của tỉnh Quý Châu, Trung Quốc 45

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Hướng dẫn Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

Ngày 10/3/2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định ban hành Thông tư số 07/2016/TT-BXD Hướng dẫn Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng.

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác lập và quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng sau: Dự án đầu tư xây dựng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp nhà nước; dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại Điểm a, b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án.

Đối với hợp đồng xây dựng thuộc các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA), nếu Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với các quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn theo thỏa thuận của hợp đồng.

Giá hợp đồng sau Điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký) không vượt giá gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng của gói thầu đó) thì Chủ đầu tư được quyền quyết định Điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được Người

có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi Điều chỉnh.

Khi ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, các bên cần xác định rõ khối lượng công việc bổ sung, phát sinh và đơn giá áp dụng. Khối lượng công việc bổ sung, phát sinh phải được các bên thống nhất trước khi thực hiện.

Không Điều chỉnh giá hợp đồng đối với phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu (quy định tại Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP) kể từ thời Điểm tạm ứng; đối với khối lượng công việc phát sinh tăng do lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra. Không thực hiện Điều chỉnh giá hợp đồng theo những quy định của Thông tư này cho những nội dung thuộc trách nhiệm bồi thường của đơn vị bảo hiểm.

Việc Điều chỉnh giá hợp đồng phải được các bên thỏa thuận và quy định cụ thể trong hợp đồng về các trường hợp được Điều chỉnh giá, thủ tục, trình tự, thời gian, phạm vi, Điều kiện Điều chỉnh, phương pháp và căn cứ Điều chỉnh giá hợp đồng. Phương pháp Điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại giá hợp đồng, tính chất công việc của hợp đồng. Các nội dung khác (nếu có) mà các bên thỏa thuận được Điều chỉnh trong hợp đồng không được trái với những quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng chỉ được Điều chỉnh giá trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 143, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Cụ thể một số trường hợp được Điều chỉnh giá hợp đồng như sau: Đối với hợp đồng trọn gói: Chỉ Điều chỉnh giá hợp đồng đối với những khối lượng công việc

bổ sung hợp lý, những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng, cụ thể là khối lượng công việc bổ sung hợp lý hoặc những khối lượng thay đổi giảm. Đối với hợp đồng tư vấn là những khối lượng công việc bổ sung nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện, hoặc công việc đã ký kết trong hợp đồng nhưng không thực hiện. Đối với hợp đồng thi công xây dựng là những khối lượng công việc nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng; hoặc những công trình, hạng Mục công trình, công việc không phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng; đối với hợp đồng cung cấp thiết bị là những khối lượng nằm ngoài danh Mục thiết bị thuộc phạm vi hợp đồng đã ký ban đầu.

Các trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2, Điều 51, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, bất khả kháng khác (như: khi thi công gặp hang casto, túi bùn, cổ vật, khảo cổ) mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được người quyết định đầu tư chấp thuận.

Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: Bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng; các trường hợp bất khả kháng và bất khả kháng khác như quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

Đối với hợp đồng theo thời gian: Thời gian thực tế thực hiện công việc được nghiệm thu tăng hoặc giảm lớn hơn 20% thời gian thực hiện ghi trong hợp đồng; bổ sung chuyên gia hợp lý chưa có mức thù lao cho chuyên gia trong hợp đồng; khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương làm thay đổi mặt bằng tiền lương chuyên gia ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng; và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng theo đơn giá Điều chỉnh: Khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu tăng hoặc giảm lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng; bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng; điều chỉnh đơn giá toàn bộ hoặc một

số đơn giá cho những công việc mà tại thời Điểm ký hợp đồng bên giao thầu và bên nhận thầu đã thỏa thuận Điều chỉnh sau một Khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; các trường hợp bất khả kháng và bất khả kháng khác như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Đối với hợp đồng theo giá kết hợp: Bao gồm các trường hợp được Điều chỉnh giá hợp đồng nêu tại khoản 1 đến khoản 4 Điều này.

Thứ tự, trình tự thực hiện Điều chỉnh giá hợp đồng: Đối với các trường hợp được Điều chỉnh giá hợp đồng nêu tại Điều 3 (trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 3) Thông tư này, các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng làm cơ sở Điều chỉnh giá hợp đồng.

Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán bổ sung, phát sinh (trừ trường hợp quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 3) do nhà thầu lập, làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Nhà thầu lập dự toán bổ sung, phát sinh trên cơ sở khối lượng bổ sung, phát sinh được thống nhất giữa các bên, quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các thỏa thuận trong hợp đồng.

Nhà thầu chính có trách nhiệm Điều chỉnh giá hợp đồng tương ứng cho nhà thầu phụ theo nội dung hợp đồng ký giữa các bên, khi được Điều chỉnh giá.

Điều chỉnh giá đối với hợp đồng trọn gói

Khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng công việc phát sinh, bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng; khối lượng chưa có đơn giá trong hợp đồng. Đơn giá mới được xác định theo Thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng thi công xây dựng có những công trình, hạng Mục công trình, công việc không phải thực hiện trong hồ sơ thiết kế kèm theo hợp đồng đã ký, áp dụng đơn giá trong hợp đồng để Điều chỉnh giảm giá hợp đồng. Khi ký hợp đồng trọn gói, các bên cần có bảng đơn giá kèm theo để thuận lợi cho việc Điều chỉnh giảm, và bảng đơn giá này chỉ dùng để Điều chỉnh giá đối với khối lượng không thực hiện trong hợp đồng.

Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Có thể áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết; hoặc đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.

Cùng với đó, Thông tư này cũng đưa ra những quy định Điều chỉnh giá đối với hợp đồng: Theo đơn giá cố định, theo thời gian, theo đơn

giá điều chỉnh, theo đơn giá kết hợp.

Các hợp đồng xây dựng đã và đang thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện như sau: Đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện trước ngày 15/6/2015; đối với hợp đồng đã ký và đang thực hiện từ ngày 15/6/2015 đến trước ngày có hiệu lực của Thông tư này, thực hiện Điều chỉnh giá hợp đồng theo nội dung hợp đồng đã ký và các quy định về hợp đồng xây dựng của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; các hợp đồng xây dựng đang trong quá trình đàm phán, chưa ký kết thì báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc áp dụng các quy định của Thông tư này để Điều chỉnh giá hợp đồng; đối với các trường hợp khác không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện Điều chỉnh giá hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng

Ngày 10/3/2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký quyết định ban hành Thông tư số 08/2016/TT- BXD Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung của các hợp đồng tư vấn xây dựng gồm: Tư vấn khảo sát xây dựng, tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tư vấn thiết kế xây dựng công trình, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng bao gồm dự án đầu tư xây dựng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã

hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước từ 30% trở lên; dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại điểm a, b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án.

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác lập và quản lý thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều này trên lãnh thổ Việt Nam. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến hợp

đồng tư vấn xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng quy định tại Thông tư này. Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thuộc các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định của điều ước quốc tế đó.

Quản lý thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau: Nội dung chủ yếu của các kiến nghị, đề xuất, yêu cầu và các ý kiến phản hồi của các bên bao gồm tên hợp đồng, thời gian kiến nghị, thời hạn yêu cầu trả lời, tên đơn vị yêu cầu, tên đơn vị trả lời, nội dung yêu cầu, danh mục tài liệu kèm theo yêu cầu (nếu có), chi phí thay đổi kèm theo (nếu có) và các nội dung khác, ký tên (đóng dấu nếu cần); quản lý tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 của Thông tư này. Khi ký kết hợp đồng tư vấn xây dựng các bên thống nhất tiến độ thực hiện hợp đồng, thời điểm báo cáo, bàn giao công việc (các giai đoạn phân chia phải phù hợp với tiến độ trong hồ sơ dự thầu); việc quản lý chất lượng thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Các công việc bàn giao phải đảm bảo chất lượng theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Bên nhận thầu phải có biện pháp quản lý chất lượng do mình thực hiện và chất lượng công việc do nhà thầu phụ thực hiện (nếu có); quản lý khối lượng và giá hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1, khoản 3 Điều 12 của Thông tư này. Các bên có trách nhiệm quản lý khối lượng công việc thực hiện và giá hợp đồng theo đúng hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng đã ký kết; quản lý an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Đối với tư vấn khảo sát xây dựng, bên nhận thầu

phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh; quản lý điều chỉnh hợp đồng và các nội dung khác của hợp đồng thực hiện quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng:

Các thỏa thuận của các bên về nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng phải phù hợp với giai đoạn đầu tư xây dựng công trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát xây dựng tương ứng với từng loại, cấp công trình xây dựng, nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất, các biên bản đàm phán hợp đồng; gói thầu khảo sát xây dựng có thể bao gồm một số hoặc toàn bộ các công việc khảo sát sau: địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng thủy văn, hiện trạng công trình và các công việc khảo sát xây dựng khác.

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Các thỏa thuận của các bên về nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến dự án, chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có), hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất, các biên bản đàm phán hợp đồng.

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình

Các thỏa thuận của các bên về nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình phải căn cứ vào báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt, phù hợp với bước thiết kế, loại, cấp công trình xây

dụng, các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất, các biên bản đàm phán hợp đồng.

Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

Các thỏa thuận của các bên về nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình phải căn cứ vào nhiệm vụ giám sát, phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng, các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thiết kế được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất, các biên bản đàm phán hợp đồng; nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình có thể bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công. Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; khối lượng của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình được xác định căn cứ vào nhiệm vụ giám sát, quy chuẩn và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng, loại, cấp công trình xây dựng, thiết kế được duyệt, hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất, các biên bản đàm phán hợp đồng, yêu cầu và điều kiện cụ thể của từng gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình.

Các thỏa thuận của các bên về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau: Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn,

tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng: Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên, nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng, nhiệm vụ tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt đối với tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng, nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng; hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đối với tư vấn khảo sát xây dựng; hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng; Hồ sơ giám sát thi công xây dựng được duyệt đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng; quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Các thỏa thuận của các bên về thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 3, Điều 14, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau: Tiến độ thực hiện hợp đồng phải thể hiện trình tự thực hiện công việc, thời gian thực hiện các công việc chính và toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, mốc thời gian nghiệm thu, thời gian bàn giao sản phẩm của hợp đồng; tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh theo khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Giá hợp đồng tư vấn xây dựng

Giá hợp đồng tư vấn xây dựng và điều kiện áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định

sau: Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng có thể bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

Nội dung của giá hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tư vấn thiết kế xây dựng công trình và tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình có thể bao gồm: Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng; chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt; chi phí đi thực địa; chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu; chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình; chi phí khác có liên quan.

Thanh toán hợp đồng tư vấn xây dựng

Việc thanh toán, hồ sơ thanh toán, đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng tư vấn xây dựng hiện theo quy định tại các Điều 19, 20 và 21 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau: Hợp đồng tư vấn xây dựng có thể thanh toán 1 lần hoặc nhiều lần; giai đoạn thanh toán có thể theo thời gian (tháng, quý,...) hoặc theo giai đoạn hoàn thành công việc tư vấn hoặc theo hạng mục công trình, công trình; thời điểm thanh toán là ngày mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng tương ứng với giai đoạn thanh toán.

Bên cạnh đó, Thông tư này cũng đưa ra những quy định về: Quyền và nghĩa vụ của bên giao thầu; Quyền và nghĩa vụ của bên nhận thầu; nhân lực của bên nhận thầu; Rủi ro và bất khả kháng; Hướng dẫn áp dụng mẫu hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp

đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP Điều 16 của Thông tư này và các quy định sau: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp bất khả kháng làm thay đổi khối lượng thực hiện hợp đồng thì việc xử lý bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp bên giao thầu yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong hợp đồng đã ký kết thì khối lượng công việc này phải được điều chỉnh tương ứng. Việc điều chỉnh khối lượng này là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên phải thống nhất đơn giá của các công việc này trước khi thực hiện. Đơn giá của các công việc này được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP Điều 16 của Thông tư này và các quy định sau: Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của hợp đồng do lỗi của bên nhận thầu thì bên nhận thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì bên nhận thầu phải kiến nghị bên giao thầu gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì bên nhận thầu phải khắc phục bằng chi

phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho bên giao thầu thì phải bồi thường; Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của hợp đồng do lỗi của bên giao thầu thì bên giao thầu phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho bên nhận thầu thì phải bồi thường.

Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng. Điều chỉnh các nội

dung khác của hợp đồng tư vấn: Khi điều chỉnh các nội dung khác ngoài các nội dung tại khoản 1, 2 và 3 của Điều này thì các bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/5/2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng

Ngày 15 tháng 3 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2016/TT- BXD quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

Các loại mốc giới bao gồm các mốc cấm ngoài thực địa như mốc tim đường, mốc chỉ giới đường đỏ, mốc ranh giới khu vực cấm xây dựng theo hồ sơ cấm mốc giới đã được phê duyệt.

Các nguyên tắc chung về lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa: Đối với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc ngoài thực địa được thực hiện ngay sau khi UBND cấp tỉnh, huyện ban hành kế hoạch cấm mốc; đối với quy hoạch chi tiết, công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ và triển khai cấm mốc ngoài thực địa được thực hiện sau khi đồ án Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt; đối với khu vực cấm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa và các khu cần bảo vệ khác đã cấm mốc ranh giới theo quy định chuyên ngành thì không phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ và triển khai cấm mốc theo quy định; đối với các tuyến đường giao thông xác định giữ nguyên quy mô hoặc phạm vi chiếm dụng theo

hiện trạng trong quy hoạch đã được phê duyệt; các tuyến đường nội bộ phục vụ trong các khu vực đã được giao cho một đơn vị quản lý và sử dụng hợp pháp, ổn định và phù hợp với quy hoạch thì không phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ và triển khai cấm mốc. UBND các cấp quyết định về tỷ lệ bản đồ lập hồ sơ cấm mốc giới đối với hồ sơ cấm mốc thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình.

Yêu cầu về hồ sơ cấm mốc giới bao gồm hồ sơ cấm mốc phải tuân thủ đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt; phải được lập trên bản đồ địa hình dạng số; ranh giới đo đạc và tỷ lệ bản đồ lập hồ sơ cấm mốc phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực lập hồ sơ, đối với khu vực nội thành quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500, đối với khu vực ngoại thành tỷ lệ là 1/5.000 hoặc 1/2.000 hoặc 1/500. Khoảng cách giữa các mốc giới từ 30m trở lên tùy thuộc địa hình và địa mạo khu vực cấm mốc.

Quy định về cấm mốc giới bao gồm đối với thành phố trực thuộc trung ương, các mốc giới cấm ngoài thực địa bao gồm mốc tim đường các đường phố chính đô thị dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong thành phố; mốc chỉ giới đường đỏ, mốc giới xác định ranh giới khu vực

cắm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa. Đối với thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và khu chức năng đặc thù các mốc giới bao gồm mốc tim đường các đường phố chính, mốc chỉ giới đường đỏ các đường phố chính và đường khu vực dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong đô thị, khu chức năng đặc thù. Đối với xã, các mốc giới cắm ngoài thực địa bao gồm mốc tim đường các trục đường chính trong xã, đường liên thôn..., mốc chỉ giới đường đỏ các trục đường chính trong xã, đường trục chính thôn và đường chính nội đồng;

Quy định cắm mốc giới đối với đồ án quy hoạch phân khu bao gồm: Mốc tim đường các tuyến đường dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch; mốc chỉ giới đường đỏ; mốc giới xác định ranh giới khu vực cắm xây dựng (khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa...)

Quy định cắm mốc giới đối với đồ án quy hoạch chi tiết như sau mốc tim đường các tuyến đường, tuyến ngõ dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch; mốc chỉ giới đường đỏ các tuyến đường, tuyến ngõ dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch; mốc ranh giới khu vực cắm xây dựng và khu vực cần bảo vệ trong khu vực quy hoạch.

Hồ sơ nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng gồm thuyết minh nhiệm vụ cắm mốc giới và thành phần bản vẽ. Thuyết minh nhiệm vụ cắm mốc giới gồm xác định yêu cầu cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng, xác định khối lượng công việc cần thực hiện, xác định kinh phí thực hiện việc lập hồ sơ cắm mốc giới, tổ chức thực hiện và dự kiến thời gian lập hồ sơ cắm mốc giới. Thành phần bản vẽ gồm sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi cắm mốc giới trích từ đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp; Các văn bản pháp lý có liên quan; tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ hồ sơ cắm mốc giới; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn cắm mốc giới.

Hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng bao gồm thuyết minh hồ sơ cắm mốc giới và thành phần bản vẽ. Thuyết minh hồ sơ cắm mốc giới bao gồm căn cứ lập hồ sơ cắm mốc giới, đánh giá hiện trạng khu vực cắm mốc, nội dung cắm mốc (các loại mốc giới cần cắm, số lượng mốc, phương án định vị mốc giới, khoảng cách, các mốc tham chiếu), kinh phí, tổ chức thực hiện. Thành phần bản vẽ bao gồm sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi cắm mốc giới trích từ đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp, bản vẽ cắm mốc giới phải thể hiện vị trí, tọa độ, cao độ của các mốc giới cần cắm, trên nền bản đồ địa hình và tỷ lệ được quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Các văn bản pháp lý có liên quan, tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới, hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập hồ sơ cắm mốc giới, đĩa CD lưu giữ toàn bộ thuyết minh và bản vẽ.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa được quy định tại Điều 9 của Thông tư này được thuê tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ Điều kiện năng lực theo quy định tham gia thực hiện. Cơ quan tổ chức triển khai cắm mốc giới có trách nhiệm bổ sung các mốc giới tham chiếu phát sinh trong quá trình triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa vào hồ sơ cắm mốc giới đã được phê duyệt.

Cột mốc bao gồm phần móng chôn mốc, đế mốc và thân mốc, được sản xuất bằng bê tông cốt thép mác 200, đế mốc có kích thước 40*40*50cm, thân mốc có chiều dài 90cm. Mặt cắt ngang các loại thân mốc được quy định như sau, mốc tim đường có mặt cắt ngang hình tròn, đường kính 15cm, mốc chỉ giới đường đỏ có mặt cắt ngang hình vuông, chiều dài cạnh 15cm; mốc ranh giới các khu vực có mặt cắt ngang hình tam giác đều, chiều dài cạnh 15cm; mốc tham chiếu có mặt cắt ngang giống mặt cắt ngang của mốc giới cần cắm, trên mốc tham chiếu thể hiện đầy đủ các thông số để dẫn

chiều đến mốc giới cần cắm; độ sâu phần móng chôn mốc tối thiểu là 100cm.

UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm quản lý các mốc giới quy hoạch nằm trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Hàng năm tổ chức kiểm tra, bổ sung, khôi phục

các mốc giới bị mất hoặc sai lệch so với hồ sơ cắm mốc giới được phê duyệt.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30/4/2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố

Ngày 04 tháng 4 năm 2016, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND về Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô lịch sử thành phố.

Quy chế này được áp dụng trên khu vực có quy mô diện tích khoảng 3.881 ha, thuộc địa giới hành chính của 05 quận: Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, một phần phía Bắc Hai Bà Trưng và một phần phía Nam của quận Tây Hồ.

Theo Quyết định này các nguyên tắc quản lý bao gồm: Chỉ cho phép xây dựng công trình cao tầng trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; cho phép nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng tại các vị trí bao gồm các vị trí hai bên đường vành đai, tuyến phố hướng tâm, tuyến phố chính và tại các khu vực điểm nhấn đô thị; các dự án tái thiết khu đô thị bao gồm việc đầu tư xây dựng tại các khu chung cư cũ và quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; cho phép nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng trong trường hợp xây dựng lại các khu chung cư, tập thể cũ khác.

Các nguyên tắc trong nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng cần đáp ứng các quy định

về kiểm soát chức năng xây dựng công trình, kiểm soát dân số, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị trên cơ sở các Quy hoạch phân khu đô thị, Quy hoạch chi tiết, Thiết kế đô thị, các Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế. Khu đất xây dựng công trình cao tầng phải đảm bảo có kích thước, diện tích đất đáp ứng đủ khoảng lùi tối thiểu theo quy chuẩn hiện hành; khả năng tiếp cận về giao thông và các quy định về phòng cháy, chữa cháy. Các khu vực thực hiện dự án phải có nghiên cứu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của đoạn tuyến phố đảm bảo việc khớp nối với khu vực. Đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của từng dự án.

Các nguyên tắc khác bao gồm kiểm soát tầng cao tối đa (tính bằng tầng) và chiều cao tối đa (tính bằng mét); mật độ xây dựng, khoảng cách, khoảng lùi, các Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, Thiết kế đô thị, các Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, các Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế; việc quản lý chiều cao tĩnh không xây dựng công trình thực hiện theo quy định của Nghị định số 20/2009/NĐ-CP của Chính phủ; các ô đất xây dựng công trình phải đảm bảo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BGTVT của Bộ giao

thông vận tải quy định về bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị.

Đối với khu vực hai bên đường vành đai: Vành đai 1 (đoạn tuyến nằm trong địa bàn quản lý của Quy chế này, gồm: Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt - Xã Đàn - La Thành) tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m. Các điều kiện khác bao gồm không xây dựng công trình cao tầng trong khuôn viên công viên Thủ Lệ; đảm bảo phát huy giá trị cảnh quan hồ Ngọc Khánh; đảm bảo kết nối không gian công trình cao tầng và ga đường sắt trên cao tại nút giao các đường La Thành - Hoàng Cầu, không xây dựng công trình cao tầng trong khuôn viên công viên Thống Nhất, đảm bảo phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ Hà Nội (đường Đại Cồ Việt (Đoạn từ nút giao với đường Vân Hồ 3 đến nút giao với Phố Huế)). Đối với đường vành đai 2 (([Đoạn tuyến nằm trong địa bàn quản lý của Quy chế này, gồm: Minh Khai - Đại La - Trường Chinh - Láng - Bưởi - vành đai 2) tầng cao tối đa là 27 tầng, chiều cao tối đa là 97m, và đảm bảo các quy định khác như phù hợp với cảnh quan khu vực Hồ Tây, nút giao cầu Nhật Tân - Vành đai 2 và khu đô thị Nam Thăng Long, đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết hai bên bờ sông Tô Lịch, đảm bảo thiết kế phù hợp với phương án bảo tồn khu vực đình Ứng Thiên, Chùa Mễ, đảm bảo kết nối không gian kiến trúc cảnh quan khu vực nút giao với phố Tây Sơn và nút giao với phố Khương Thượng.

Đối với đường ven đê sông Hồng (Đoạn tuyến nằm trong địa bàn quản lý của Quy chế này, gồm: Phía Tây các đường: An Dương Vương - Âu Cơ - Nghi Tàm - Yên Phụ- Trần Nhật Duật - Trần Quang Khải - Trần Khánh Dư - Nguyễn Khoái); Phía Tây đường Trần Quang Khải (Đoạn từ nút giao với đường Lò Sũ đến nút giao với đường Hàng Vôi) tầng cao tối đa là 21 tầng, chiều cao tối đa là 76m, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu đô thị H1-C, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc Khu phố cũ thành phố Hà Nội; phù hợp cảnh quan khu vực phố

cũ, khu vực Hồ Gươm và phụ cận; phía Tây đường Nguyễn Khoái (Đoạn từ nút giao với phố Nguyễn Huy Tự đến số 1 Nguyễn Khoái - đường vào bến xe Lương Yên), tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m, đảm bảo phù hợp với cảnh quan khu vực ven sông Hồng. Phía Tây đường Nguyễn Khoái (Đoạn từ số 1 Nguyễn Khoái - đường vào bến xe Lương Yên đến nút giao với đường Minh Khai), tầng cao tối đa là 27 tầng, chiều cao tối đa là 97m; phía Tây đường Nguyễn Khoái (Đoạn từ nút giao với đường Minh Khai đến nút giao với đường Vĩnh Tuy), tầng cao tối đa là 39 tầng, chiều cao tối đa là 140m.

Khu vực hai bên tuyến phố hướng tâm: Khu vực Giảng Võ - Láng Hạ, phố Giảng Võ (Đoạn từ nút giao với đường Cát Linh đến nút giao với đường La Thành) tầng cao tối đa là 21 tầng, chiều cao tối đa là 76m, đảm bảo kết nối không gian cao tầng tại khu chung cư Giảng Võ, khu chung cư Hào Nam, tại vị trí khu trung tâm triển lãm Giảng Võ, nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng làm điểm nhấn. Phố Láng Hạ (Đoạn từ nút giao với phố Giảng Võ đến nút giao với ngõ 29 Láng Hạ) tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m; đảm bảo kết nối không gian kiến trúc cảnh quan khu vực nút giao đường Giảng Võ - đường Láng. Khu vực Văn Cao - Liễu Giai - Nguyễn Chí Thanh; phố Văn Cao (Đoạn từ nút giao với đường ven hồ Tây đến nút giao với đường Hoàng Hoa Thám) tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m, không xây dựng công trình cao tầng tại khu đất cây xanh, thể dục thể thao được quy định tại quy hoạch phân khu đô thị H1-2, đảm bảo không xây dựng công trình cao tầng trong khoảng cách tối thiểu 50m tới mép hồ. Phố Liễu Giai tầng cao tối đa là 25 tầng, chiều cao tối đa là 90m, đảm bảo phù hợp không gian kiến trúc cảnh quan khu vực và hồ Ngọc Khánh. Phố Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ nút giao với đường Kim Mã đến nút giao với đường La Thành) tầng cao tối đa là 25 tầng, chiều cao tối đa là 90m,

đảm bảo kết nối không gian kiến trúc cảnh quan đoạn nút giao với đường Kim Mã, và nút giao với đường La Thành. Khu vực Tôn Đức Thắng - Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn; phố Tôn Đức Thắng, phố Nguyễn Lương Bằng nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đúng Quy hoạch phân khu đô thị H1-3 đã được phê duyệt; phố Tây Sơn (Đoạn từ nút giao với đường Chùa Bộc đến nút giao với đường Láng), tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m, đảm bảo an toàn đường sắt đô thị theo quy định hiện hành, khuyến khích kết nối các không gian ngầm đô thị. Khu vực Giải Phóng - Lê Duẩn; phố Lê Duẩn (đoạn từ nút giao với đường Điện Biên Phủ đến nút giao với đường Hai Bà Trưng), phía Tây tuyến đường nằm trong khu vực Văn Miếu và phụ cận, không xây dựng công trình cao tầng, phía Đông tuyến đường đảm bảo chiều cao tối đa không vượt quá chiều cao công trình cao tầng hiện hữu trên đoạn tuyến này. Phố Giải Phóng, tầng cao tối đa là 24 tầng, chiều cao tối đa là 86m, đảm bảo kết nối không gian kiến trúc cảnh quan với nút giao với đường Xã Đàn và nút giao với đường Trường Chinh.

Khu vực hai bên tuyến phố chính: Các tuyến phố Hàng Đậu - Phan Đình Phùng - Hoàng Hoa Thám không xây dựng công trình cao tầng; phố Hoàng Hoa Thám (đoạn từ nút giao với phố Ngọc Hà đến nút giao với đường Văn Cao) nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đúng Quy hoạch phân khu đô thị A1, A6, H1-2 và Thiết kế đô thị được duyệt. Phố Lò Đúc - Kim Ngưu, phố Lò Đúc không xây dựng công trình cao tầng; phố Kim Ngưu, đảm bảo phù hợp cảnh quan hai bên bờ sông Kim Ngưu. Các phố Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng, không xây dựng công trình cao tầng.

Khu vực điểm nhấn đô thị: Khu vực xung quanh hồ Giảng Võ tầng cao tối đa là 21 tầng, chiều cao tối đa là 76m, đảm bảo giảm mật độ

xây dựng; không làm gia tăng dân số, công trình cao tầng phải đảm bảo bố trí các không gian tiện ích công cộng, hạ tầng xã hội trong bản thân công trình. Khu vực xung quanh ga Hà Nội tầng cao tối đa là 18 tầng, chiều cao tối đa là 65m, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu Ga Hà Nội. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc khu phố cũ Hà Nội, tạo không gian thoáng, thông tầng tại các tầng đế, kết nối không gian công cộng với không gian khu vực ga Hà Nội.

Khu vực tại các dự án tái thiết đô thị phải đảm bảo các quy định về xác định ranh giới toàn bộ khu chung cư cũ là ranh giới để thực hiện dự án tái thiết đô thị theo quy định của pháp luật; tổ chức lập quy hoạch chi tiết 1/500; thực hiện tái thiết theo hướng cao tầng, mật độ thấp, tạo nhiều không gian mở, hạn chế gia tăng dân số khu vực; bố trí đất cho công trình giáo dục và không gian mở, tăng thêm diện tích cây xanh đô thị, tiện ích công cộng như sân vườn, chỗ để xe.

Việc nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng tại quỹ đất sau khi di dời theo Quyết định số 130/QĐ-TTg có quy mô từ 02 ha trở lên, phải đảm bảo các điều kiện riêng như sau: Việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ quan đơn vị được ưu tiên để xây dựng, phát triển các công trình công cộng, cây xanh, bãi đỗ xe, công trình hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị; không làm tăng chất tải cho khu vực nội thành, đảm bảo cân bằng nhu cầu về hạ tầng xã hội, kỹ thuật và môi trường đô thị, không được sử dụng để xây dựng chung cư cao tầng sai quy hoạch; chiều cao công trình xem xét trên cơ sở chiều cao tối đa được phép nghiên cứu xây dựng công trình cao tầng trên các tuyến đường vành đai, tuyến phố hướng tâm, tuyến phố chính tương ứng.

Đối với các chung cư, tập thể có quy mô diện tích nhỏ hơn 2ha, phải đảm bảo các điều kiện về hạn chế làm gia tăng dân số khu vực dự

án, phù hợp quy hoạch phân khu đô thị; đảm bảo sự hài hòa về không gian, kiến trúc cảnh quan với các công trình hiện hữu trong khu vực thực hiện dự án;

Quyết định này cũng quy định về thiết kế đô thị, kiến trúc công trình cao tầng như sau: Về hình thức kiến trúc phải hiện đại, hài hòa với cảnh quan, kiến trúc khu vực, phù hợp với môi trường khí hậu.... Về VLXD cần có giải pháp ứng dụng các công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng hiện đại, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng; việc sử dụng vật liệu lớp vỏ công trình phải tuân thủ theo Quy chuẩn QCVN 09:2013/BXD về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả. Khối tích tỷ lệ công trình tuân thủ Thiết kế đô thị được duyệt và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành. Bên cạnh đó cần tuân thủ các quy định về chỉ tiêu sử dụng đất, khoảng lùi, mật độ xây dựng, dân số... theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan; phải đảm bảo kết nối không gian thuận tiện và an toàn với các công trình giao thông ngầm, các công trình công cộng trên mặt đất, các công trình công cộng ngầm liền kề và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm chung của đô thị.

Quy định quản lý đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như sau: Về phòng cháy chữa cháy, các công trình cao tầng phải tuân thủ các quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN06:2010/BXD. Hệ thống nước sạch phải đảm bảo áp lực; giảm tỷ lệ thất thoát; bổ sung hệ thống cấp nước cứu hỏa và cấp nước sử dụng công cộng; chất lượng nước sinh hoạt tại các công trình cao tầng phải tuân thủ theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt QCVN 02:2009/BYT; phải

bố trí hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống cống chung khu vực; việc xử lý phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT và các quy định hiện hành liên quan khác. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc phải được bố trí trong các tuy-nel ngầm; có hệ thống điện chiếu sáng hỗ trợ cho đường phố; khuyến khích chiếu sáng bề mặt công trình; ưu tiên sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng. Các hộp kỹ thuật điện - thông tin liên lạc, các thiết bị thu phát tín hiệu (ăng-ten dàn, cột, parabol, BTS...), thiết bị kỹ thuật, phải có giải pháp che chắn đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với vấn đề vệ sinh môi trường, không được phép sử dụng các thiết bị gây tiếng ồn, khí thải trong khu vực; phải có biện pháp thu gom rác thải trong khuôn viên công trình đảm bảo quy định về vệ sinh công cộng.

Công trình cao tầng phải đảm bảo bố trí đủ chỗ đỗ xe cho bản thân công trình theo quy định hiện hành và tăng thêm 10% diện tích đỗ xe của công trình để phục vụ cho khu vực. Công trình cao tầng phải đảm bảo các khoảng cách lối vào tầng hầm, sảnh công cộng, an toàn giao thông theo quy định hiện hành; phải có lối tiếp cận thuận tiện cho người khuyết tật và bố trí các chỗ đỗ xe riêng cho người khuyết tật.

Đối với hệ thống hạ tầng xã hội, khuyến khích việc dành quỹ đất cho các không gian mở, công viên cây xanh và công trình hạ tầng xã hội khác; không làm gia tăng chất tải đối với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu vực và theo quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn trong lĩnh vực xi măng

Ngày 8/4/2016, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn TCVN: “Xi măng - Phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước”; dự thảo tiêu chuẩn soát xét TCVN 6067-2004 “Xi măng poóc lăng bền sulfat - Yêu cầu kỹ thuật”. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo về dự thảo tiêu chuẩn TCVN: “Xi măng - Phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước”, chủ nhiệm đề tài - ThS. Lê Đức Thịnh (Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng) cho biết, tính ổn định thể tích của xi măng sau khi đóng rắn là rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành vết nứt và độ bền lâu của các kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tùy theo quan điểm và điều kiện phát triển ở từng khu vực, các quốc gia trên thế giới đã và đang xây dựng các phương pháp thử đánh giá tính ổn định thể tích của xi măng trên các phương diện khác nhau như của CaO td/ MgO td/phản ứng kiềm - cốt liệu/ nhân tố khoáng C3A gây ra khi xi măng poóc lăng làm việc trong môi trường sulfat/ độ co khô/ do thành phần sulfat tồn dư gây ra. Hiện tại, chỉ tiêu độ nở của thanh vữa xi măng trong môi trường nước đã bắt đầu được các nhà sản xuất xi măng trong nước quan tâm do các đơn hàng từ nước ngoài thường yêu cầu chỉ tiêu này.

Theo ThS. Lê Đức Thịnh, trước đây, các nhà máy xi măng Việt Nam thường sử dụng phương pháp mẫu xi măng bánh đa theo TCVN 4031:1985 để kiểm tra tính ổn định thể tích của xi măng do CaO tự do gây ra, trên cơ sở quan sát ngoại quan vết nứt của mẫu sau khi dưỡng hộ. Những năm 90 thế kỷ XX, hệ thống tiêu chuẩn ngành phát triển thêm TCVN 6017:1995 để thử độ ổn định thể tích của xi măng bằng



TS. Lê Trung Thành chủ trì cuộc họp nghiệm thu phương pháp Le Charterlie (phương pháp đo độ nở của khuôn “càng cua”, được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn ISO 9597:1989 và tiêu chuẩn châu Âu EN 196-3). Đầu những năm 2000, do yêu cầu hội nhập, hệ thống TCVN về lĩnh vực xi măng đã bổ sung thêm một số phương pháp thử đánh giá độ ổn định của xi măng trong các điều kiện khác nhau được quy định trong ASTM của Mỹ. Ngoài TCVN 6067:2004 quy định phương pháp xác định độ nở sulfat (trên cơ sở ASTM C452) và TCVN 7713:2007 quy định phương pháp xác định chiều dài thanh vữa trong dung dịch sulfat (trên cơ sở ASTM 1012), nhiều nhà máy xi măng trong nước và phòng thử nghiệm Vilas đã bắt đầu ứng dụng các phương pháp thử khác trong hệ thống ASTM như phương pháp xác định độ nở Autoclave (ASTM C151), độ co khô của vữa (ASTM C596), độ cứng sớm của hồ xi măng (ASTM C451)... Riêng phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước được quy định trong ASTM C 1038 để làm công cụ đánh giá tác động của lượng sulfat tồn dư đến độ nở của xi măng thủy lực hoặc cũng để làm công cụ kiểm tra, đánh giá tác động của các loại thạch cao nhân tạo đến độ nở thanh vữa của các loại xi măng poóc lăng khác nhau.

Để đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay từ các

doanh nghiệp xuất khẩu xi măng, với các đơn đặt hàng của nước ngoài đều yêu cầu chỉ tiêu về độ nở thanh vữa trong môi trường nước, việc xây dựng TCVN “Xi măng - Phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước” trên cơ sở ASTM C1038 là cần thiết. Ngoài ra, nhóm đề tài cũng tham khảo một số tiêu chuẩn nước ngoài và trong nước có liên quan khác như ASTM C452, ASTM C1012, ASTM C596, TCVN 7713:2007. Dự thảo được trình bày theo bố cục thông thường của một tiêu chuẩn phương pháp thử xi măng của Việt Nam, gồm 11 phần: Phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, nguyên tắc, thiết bị - dụng cụ, thuốc thử - vật liệu, điều kiện thí nghiệm... So với ASTM C1038/ C1038M-14, chỉ thay đổi điều kiện nhiệt độ tiêu chuẩn (27°C) để phù hợp với điều kiện thí nghiệm thực tế ở Việt Nam.

Về dự thảo tiêu chuẩn soát xét TCVN 6067:2004 “Xi măng poóc lăng bền sulfat - Yêu cầu kỹ thuật”, chủ nhiệm đề tài - ThS. Hà Văn Lân cho biết, xi măng được sử dụng trong xây dựng các công trình chịu xâm thực nước biển hay các công trình ngầm có hàm lượng sulfat cao thường là xi măng bền sulfat. Hầu hết các nước có bờ biển đều có tiêu chuẩn xi măng bền sulfat với các chỉ tiêu và yêu cầu khác nhau. Việt Nam đã xây dựng tiêu chuẩn trong lĩnh vực này từ năm 1995 - TCVN 6067:1995 “Xi măng poóc lăng bền sulfat - Yêu cầu kỹ thuật”. Trong tiêu chuẩn này, xi măng poóc lăng bền sulfat được phân ra hai loại là xi măng poóc lăng bền sulfat thường và xi măng poóc lăng bền sulfat cao - với hàm lượng C3A thấp hơn tương ứng 8% và 5%. TCVN 6067: 2004 được soát xét từ TCVN 6067:1995 có một số thay đổi như: chỉ quy định một loại xi măng bền sulfat có hàm

lượng C3A thấp hơn 3,5%, độ nở sulfat sau 14 ngày phải thấp hơn 0,04% (nếu xi măng có thành phần khoáng - hóa đạt yêu cầu thì không bắt buộc xác định độ nở và ngược lại). Qua hơn 10 năm ứng dụng, tiêu chuẩn này đã đáp ứng việc đánh giá chất lượng xi măng bền sulfat trong sản xuất cũng như tại các công trình xây dựng. Tuy nhiên, TCVN 6067:2004 đã cho thấy các bất cập: Do có môi trường sulfat khác nhau nên việc sử dụng xi măng bền sulfat cũng khác nhau. Ngoài ra, cần quy định thêm hàm lượng nhôm (Al_2O_3) và sắt (Fe_2O_3) đối với xi măng bền sulfat trung bình. Đó là những lý do cơ bản để thực hiện soát xét TCVN 6067:2004.

Căn cứ vào thực tiễn sử dụng xi măng bền sulfat, đồng thời dựa trên các tiêu chuẩn hiện hành trong nước (TCVN 7024:2013, TCVN 9035:2011...) và thế giới (ASTM C150:2012), nhóm đề tài đã thực hiện việc soát xét, nhằm đưa tiêu chuẩn vào ứng dụng rộng rãi hơn trong thực tế, với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định đầy đủ, an toàn cho sử dụng xi măng vào công trình xây dựng trong môi trường xâm thực sulfat.

Nhận xét về các đề tài của Viện Vật liệu Xây dựng, Hội đồng nhất trí với tính cấp thiết của các dự thảo tiêu chuẩn. Tuy nhiên, để các dự thảo được hoàn chỉnh, sớm được ban hành và ứng dụng vào thực tế xây dựng trong nước, Hội đồng cũng thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến xác đáng về thuật ngữ, bố cục, về cách chuyển dịch tài liệu và một số nội dung nên lược bỏ ở các tiêu chuẩn gốc để các dự thảo TCVN có tính ứng dụng cao, khả thi với điều kiện Việt Nam.

Hội đồng đánh giá cả hai đề tài đều đạt loại Khá và nhất trí nghiệm thu.

Lệ Minh

Nghiệm thu đề tài “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại”

Ngày 14/4/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ xây dựng đã họp

nghiệm thu đề tài “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại” (Mã số: RD 92-13) do Viện Môi trường đô thị và công nghiệp Việt Nam - Hiệp hội Môi trường đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam chủ trì. ThS. Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Trình bày tóm tắt về sự cần thiết và nội dung cơ bản trong nhiệm vụ xây dựng “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại”, GS.TS Nguyễn Thị Kim Thái cho biết: Tại hầu hết các khu vực đô thị của các nước đang phát triển, các công trình vệ sinh tại chỗ bao gồm các bể tự hoại, hố xí đào, hố xí thùng, các hố xí công cộng... chứa phân bùn và cần được thông hút, xả định kỳ. Việc quản lý phân bùn thường chỉ hạn chế trong việc thực hiện dịch vụ hút phân bùn của các công ty đô thị hoặc các tổ chức tư nhân, thường thiếu các phương án xử lý phân bùn phù hợp và gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường đô thị và sức khỏe con người. Ở Việt Nam, do việc thông hút, vận chuyển và đổ thải bừa bãi phân bùn tự hoại ra môi trường mà không qua xử lý hợp vệ sinh nên một lượng lớn chất bẩn hữu cơ đã gây ô nhiễm nghiêm trọng cho các hồ, sông, kênh ngòi và các vùng đất ngập nước của các đô thị, gây quá tải cho hệ thống thoát nước đô thị, dẫn đến tình trạng ngập lụt thường xuyên ở các khu vực đô thị. Để giúp các đô thị quản lý tốt các hoạt động thu gom, thông hút, vận chuyển, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn từ các bể tự hoại cần thiết phải có các văn bản hướng dẫn về thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại. Nhiệm vụ “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại” cho các đô thị Việt Nam sẽ góp phần hoàn chỉnh hệ thống văn bản của nhà nước trong lĩnh vực quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

“Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở,



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

xử lý, tái sử dụng và đổ thải phân bùn bể tự hoại” được xây dựng với đầy đủ các nội dung cơ bản như: Cơ sở và phương pháp xây dựng hướng dẫn, Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và đổ thải phân bùn bể tự hoại, Tài liệu tham khảo, Phụ lục. Phần Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật trình bày chi tiết về các yêu cầu khi thực hiện hoạt động quản lý phân bùn bể tự hoại, cách xác định khối lượng, thành phần và tính chất của phân bùn, kỹ thuật thông hút và thu gom phân bùn, kỹ thuật chuyên chở, vận chuyển phân bùn, kỹ thuật xử lý phân bùn, tái sử dụng và đổ thải phân bùn.

Để thực hiện nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra khảo sát về thực trạng quản lý phân bùn bể tự hoại tại các đô thị bao gồm 5 thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Quy Nhơn, đồng thời thu thập, phân tích, tìm hiểu kinh nghiệm thực tế của các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực. Ngoài ra, các quy chuẩn của Hoa Kỳ, tiêu chuẩn của Nhật Bản, tiêu chuẩn của các nước thuộc Liên Xô cũ và các tiêu chuẩn đổ thải phân bùn do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thiết lập cũng được tham khảo. Mục tiêu của nhiệm vụ sẽ đáp ứng nhu cầu cấp thiết của nước ta trong công tác quản lý và tái chế một số loại chất thải rắn đặc thù phát sinh từ các công trình vệ sinh tại chỗ trong khu vực đô thị ở Việt Nam. Việc quản lý phân bùn hợp lý và đồng bộ sẽ góp phần bảo vệ môi trường và giảm tải cho hệ thống thoát nước đô thị.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cấp thiết và ý nghĩa thực tế của đề tài, thuyết minh nhiệm vụ và báo cáo dự thảo được thực hiện nghiêm túc, tài liệu tham khảo phong phú, các tiêu chuẩn có liên quan được đề cập, đánh giá được tình trạng thu gom phân bùn tại nhiều địa phương và có những kết quả nhất định, cấu trúc và cách trình bày rõ ràng. Tuy nhiên, Hội đồng lưu ý nhóm thực hiện đề tài về một số vấn đề tồn tại như bố cục còn lộn xộn, các lỗi in ấn, diễn đạt, xem xét lại các danh mục viết tắt, phụ lục, bảng biểu, nguồn gốc các tài liệu tham khảo cần nêu rõ, các cụm từ tiếng nước ngoài cần được dịch ra

tiếng Việt, cơ sở pháp luật cần được cập nhật các văn bản pháp luật mới, bổ sung các hình minh họa và chú thích, xem xét lại các thông số hướng dẫn... để đề tài được hoàn thiện.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - ThS. Nguyễn Công Thịnh nhất trí với toàn thể Hội đồng, đồng thời lưu ý nhóm tác giả hoàn chỉnh đề tài trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đã đóng góp.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Kim Nhuận

Nghiệm thu Dự thảo tiêu chuẩn của Viện Vật liệu xây dựng

Ngày 15/4/2016, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài biên soạn “Xi măng - xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt” (Mã số: TC 76-14) do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì. TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại Hội nghị, ThS. Trịnh Thị Châm - Chủ nhiệm đề tài đã trình bày tóm tắt về sự cần thiết, các căn cứ và những nội dung cơ bản của Dự thảo tiêu chuẩn. Theo đó, việc xác định nhiệt thủy hóa của xi măng ở nước ta trước đây thường sử dụng phương pháp thử theo TCVN 6070 - 2005. Tuy nhiên, phương pháp thử này cũng có hạn chế là sẽ không cho kết quả chính xác nếu trong xi măng tồn tại thành phần không hòa tan trong axit HNO_3/HF . Ngoài ra, phương pháp hòa tan khó có thể đo nhiệt thủy hóa ở tuổi sớm vì khi đó mẫu vẫn chưa đóng rắn để thực hiện thí nghiệm. Một số loại xi măng đa cấu tử, sau 3 ngày thủy hóa, mẫu vẫn còn khá mềm và ẩm nên gây khó khăn trong việc giã mẫu và sàng mẫu để thực hiện thí nghiệm. Với yêu cầu ngày càng cao của an toàn lao động,



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

việc sử dụng phương pháp hòa tan để xác định nhiệt thủy hóa cũng mang lại nhiều khó khăn. Hiện tại, xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt bắt đầu được các nhà nghiên cứu, sản xuất xi măng trong nước quan tâm. Với khả năng đo được giá trị nhiệt thủy hóa liên tục từ khi bắt đầu tới khi kết thúc thử nghiệm, phương pháp này có thể xác định được thời điểm thủy hóa lớn nhất và tốc độ thủy hóa. TCVN “Xi măng - Xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt” được xây dựng ở thời điểm hiện nay là cần thiết nhằm hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu về xi măng của Việt Nam

có thêm phương pháp thử, làm cho các phương pháp thử về xi măng trong hệ thống TCVN ngày càng phong phú, đa dạng.

Cấu trúc TCVN “Xi măng - Xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt” được xây dựng với các nội dung cơ bản: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Nguyên tắc; Thiết bị, dụng cụ; Thuốc thử, vật liệu; Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu xi măng; Điều kiện thử nghiệm; Cách tiến hành; Tính nhiệt thủy hóa; Báo cáo thử nghiệm; Độ chụm; Các phụ lục.

Tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn BS EN 196-9:2010 Methods of testing cement - Part 9: Heat of hydration - semi-adiabatic method (Phương pháp thử xi măng - Phần 9: Xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt). Trong hệ thống tiêu chuẩn châu Âu, Tiêu chuẩn BS EN 196-9:2010 quy định rõ ràng về xác định nhiệt thủy hóa theo phương pháp bán đoạn nhiệt, nó đã ra đời từ lâu, có kiểm chứng và mang lại hiệu quả và tính chính xác. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp xác định nhiệt thủy hóa xi măng và chất kết dính thủy bằng phương pháp bán đoạn nhiệt (còn được gọi là phương pháp Langavant). Mục đích của phương pháp này là đo liên tục nhiệt thủy hóa của xi măng trong những ngày đầu thủy hóa, đơn vị nhiệt thủy hóa là J.g-1.

Phương pháp bán đoạn nhiệt bao gồm đưa

một mẫu vữa tươi vào trong nhiệt lượng kế để xác định lượng nhiệt tỏa ra theo sự phát triển của nhiệt độ. Tại mỗi thời điểm, nhiệt thủy hóa của xi măng được xác định bằng tổng lượng nhiệt tích lũy của mẫu vữa xi măng trong nhiệt lượng kế và lượng nhiệt tổn thất ra môi trường xung quanh trong thời gian thử nghiệm. Nhiệt độ tăng lên của mẫu vữa được so sánh với nhiệt độ của mẫu vữa tro đặt trong nhiệt lượng kế tham chiếu. Nhiệt độ tăng lên của mẫu vữa phụ thuộc vào tính chất của xi măng thử nghiệm, thông thường từ 10 K đến 50 K.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết của đề tài và sự nghiêm túc trong nghiên cứu, biên dịch của chủ nhiệm đề tài, về cơ bản đề tài đã đáp ứng được những yêu cầu đề ra. Tuy nhiên, Hội đồng lưu ý chủ nhiệm đề tài về một số vấn đề như lỗi biên dịch, cách dùng từ chuyên ngành, một số phần trong phụ lục cần được biên tập lại, phạm vi áp dụng nên bám sát tiêu chuẩn gốc...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - TS. Lê Trung Thành nhất trí với ý kiến toàn thể Hội đồng, đồng thời lưu ý chủ nhiệm đề tài tiếp thu, rà soát và chỉnh sửa đề tài trên cơ sở các ý kiến đóng góp để hoàn thiện Dự thảo.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Kim Nhạn

Bê tông xuyên sáng

Xây dựng là một hình thái hoạt động của loài người luôn đặc trưng bởi sự tiến hóa năng động. Trong lĩnh vực này, cứ mỗi năm lại xuất hiện rất nhiều cải tiến mới, công nghệ mới. Mới đây, một hình thức cải tiến hoàn toàn mới về mặt công nghệ của vữa bê tông đã xuất hiện - đó là bê tông xuyên sáng.

Bê tông truyền thống được con người biết tới và ứng dụng vào xây dựng từ khoảng 1.200 năm trước. Cho tới nay, trong quá trình xây dựng tất cả các công trình trên thế giới không

thể không nhắc tới bê tông. Có thể coi đây là loại vật liệu “lõi” của kiến trúc đương đại, bởi đây là thành tố cấu trúc không thể thiếu của mỗi công trình. Tuy vậy, các loại bê tông truyền thống dường như chưa có tính biểu cảm, thiếu bản sắc, và ít ai coi bê tông là đẹp, dù loại vật liệu này vô cùng cần thiết. Chỉ tới khi bê tông xuyên sáng xuất hiện trên thị trường, quan niệm về bê tông bắt đầu có những thay đổi tích cực.

Bê tông xuyên sáng (light transmitting concrete - litracon) do kiến trúc sư người Hungary

Aron Losonczi cùng các nhà khoa học thuộc trường Đại học Công nghệ và Kinh tế Budapest nghiên cứu lần đầu tiên vào năm 2001. Loại vật liệu này được chế tạo bằng cách thêm vào bê tông hạt mịn những sợi thủy tinh có đặc tính quang học với đường kính từ 02 micromet tới 02 mm. Các sợi này được đưa vào trong bê tông không những góp phần tạo nên một loại vật liệu mới không chỉ mang đầy đủ mọi tính chất cơ lý của bê tông truyền thống về độ cứng và độ bền mà còn có đặc tính dẫn truyền ánh sáng. Nhờ cấu trúc có hàng ngàn sợi thủy tinh mảnh trong từng khối xây riêng biệt, qua chiều dày của các bức tường vẫn có thể quan sát rõ đường nét, hình thù và thậm chí cả màu sắc của các chủ thể đang hiện diện trực tiếp phía bên kia tường.

Một số thông số cơ bản của litracon như sau: trọng lượng riêng 2100 - 2400 kg/m³; cường độ nén 50 H/mm²; cường độ chịu kéo uốn 7 H/mm²; cấp độ cường độ 48; cách âm 46 dB.

Việc chế tạo những tấm litracon đầu tiên trên thế giới do chính ông A.Losonczi tiến hành tại Hungary. Vật liệu mới đã trải qua các cuộc thử nghiệm công năng tại trường Đại học Công nghệ và Kinh tế Budapest, nhận được sự tán phục và nhiều giải thưởng quan trọng qua các lần trưng bày triển lãm trong và ngoài nước. Sản phẩm của A. Losonczi đạt cường độ tương đương với bê tông thường, bởi các sợi thủy tinh quang học chiếm tỷ lệ rất thấp trong cấu tạo thành phần bê tông, không hề ảnh hưởng tới các đặc tính về cường độ của vật liệu; trong khi cấu trúc bên trong và bên ngoài của bê tông là như nhau. Tỷ lệ phối trộn cũng như sự sắp đặt các sợi thủy tinh rất quan trọng để xác định đặc tính xuyên sáng của vật liệu. Các sợi thủy tinh có thể được sắp xếp theo trật tự nghiêm ngặt, cũng có thể đan xen lẫn lộn, hoặc xếp theo một hình thù nhất định nào đó.

Hiện nay, litracon được chế tạo dưới dạng những tấm bê tông có kích thước tiêu chuẩn, hoặc những cấu kiện bê tông đúc sẵn. Bề dày của các tấm từ 2,5 - 5 cm. Từ những tấm này có



Toàn cảnh showroom trong toà nhà trung tâm hãng ô tô BMW tại Leipzig - công trình với vật liệu cơ bản là bê tông xuyên sáng

thể xây những bức tường cao tới 20m, đạt cường độ cao và cho phép ánh sáng xuyên qua.

Bê tông được đổ vào khuôn theo từng lớp, hết lớp này tới lớp khác. Tại mỗi lớp, các sợi thủy tinh được đặt vào đan xen nhau. Khối vật liệu được đặt cốt như vậy sẽ có một đặc tính lý thú - ánh sáng có thể xuyên qua. Ngoài ra, bề dày các tấm bê tông không ảnh hưởng tới khả năng dẫn truyền ánh sáng. Thậm chí, các tia sáng có thể đi xuyên qua cả những khối bê tông dày tới nửa mét. Tất cả những tính chất trên đây đều tùy thuộc vào mức độ bão hòa của khối xây với sợi quang bên trong.

Các lĩnh vực ứng dụng bê tông xuyên sáng khá đa dạng. Trong giai đoạn hiện tại, bê tông xuyên sáng được tích cực ứng dụng trong quy trình xây dựng các công trình sản xuất, trang trí nội thất, cũng như trong thiết kế cảnh quan tại những nơi mà khả năng cho ánh sáng xuyên thấu là tiêu chí hàng đầu đánh giá chất lượng công trình đó. Ngoài ra, bê tông xuyên sáng còn được ứng dụng như vật liệu làm mái nhà và vật liệu ốp lát, trang trí. Ngay cả trong lĩnh vực sản xuất tự động loại vật liệu này cũng được ứng dụng nhiều.

A.Losonczi đồng thời là người tổ chức sản xuất bê tông xuyên sáng ở quy mô công nghiệp với nhiều chi nhánh hoạt động hiệu quả tại Hungary và CHLB Đức. Từ năm 2007, thế hệ bê tông xuyên sáng cải tiến Lucem ra đời, được

ứng dụng nhiều trong thiết kế nội thất, xây dựng các cơ sở y tế, làm tường ngoài và mặt dựng của các tòa nhà/ công trình. Những khối bê tông có hình dạng và kích thước khác nhau được sản xuất ngày càng nhiều tại nhiều quốc gia phương Tây, và hiện nay đã lan sang phương Đông, tới các nước Nga và Nhật Bản...

Vật liệu này được sử dụng không chỉ trong xây dựng công nghiệp, mà cả trong xây dựng dân dụng. Các chuyên gia đều dự đoán: Các bức tường xuyên sáng có tính thực tiễn rất cao đối với lĩnh vực xây dựng nhà ở, đồng thời là định hướng xây dựng tiết kiệm. Chiếu sáng đường phố sẽ không còn cần thiết nữa; còn việc tiết kiệm điện ban ngày sẽ được thực hiện thông qua việc tận dụng ánh sáng mặt trời một cách tích cực hơn.

Tuy có nhiều đặc tính lý thú, nhưng trong tương lai gần, bê tông xuyên sáng chưa thể trở thành loại vật liệu xây dựng đại trà, do giá thành còn quá cao. Song trong phân khúc nhà/ căn hộ cao cấp, bê tông xuyên sáng rất có triển vọng phát triển. Tại Mỹ, bê tông xuyên sáng được coi là vật liệu tối ưu để xây các kết cấu bao che của các tòa nhà cơ quan chính phủ. Tại Nhật Bản và Thụy Điển, bê tông xuyên sáng cũng đã được dùng làm vật liệu xây dựng một số công trình có yêu cầu thiết kế nội thất cầu kỳ và độc đáo. Nữ kiến trúc sư nổi tiếng Zaha Hadid đã sử dụng loại bê tông này cho thiết kế tòa nhà trung tâm BMW ở Leipzig (CHLB Đức) - công trình đã nhận được giải thưởng toàn Liên bang Đức năm 2005, giải thưởng của Hội Kiến trúc sư Italia và tạp chí LArca. BMW Central Building tại nhà máy Leipzig được mô tả như “sự kết hợp hoàn hảo giữa thẩm mỹ và sự cải tiến công năng”; với nét đặc trưng không thể pha trộn là khả năng kết nối thông suốt và tổ chức dễ dàng hơn. Yếu tố được đánh giá cao là phòng triển lãm dài 600m (nơi các khung và sườn xe hơi được chuyển sang công đoạn sơn), với vật liệu chủ đạo là bê tông xuyên sáng. Các gian trưng bày có thể



Bê tông xuyên sáng ứng dụng trang trí nội thất cho công trình

nhìn thấy từ bên ngoài làm cho quá trình sản xuất trở nên hữu hình đối với cả nhân viên và khách tham quan.

Những bức tường xây từ bê tông xuyên sáng có khả năng làm cho nội thất của một ngôi nhà sống động và nhẹ nhàng, so với tường ngăn thông thường. Nếu ứng dụng bê tông xuyên sáng để xây nhà sẽ có thể chiếu sáng tự nhiên các căn phòng, các hạng mục vốn dĩ ít ánh sáng và âm thanh như nhà kho, hành lang, buồng tắm... Các khối bê tông xuyên sáng với kích cỡ bằng những viên gạch thông thường là loại vật liệu lý tưởng để thiết kế và trang trí nội thất. Loại vật liệu này có thể “chơi đùa” cùng ánh sáng và cả bóng tối vì có thể nhìn rõ đường nét, bóng dáng của người hoặc vật ở đối diện bên kia tường.

Bê tông xuyên sáng đặc biệt thích hợp với các kết cấu bao che, hoặc tường ngăn phân chia không gian giữa các khu vực chức năng. Những bức vách ngăn như vậy luôn khác biệt bởi sự vững chắc, độ tin cậy cao, khối lượng nhẹ, lại đẹp mắt, tính thẩm mỹ cao. Những bức vách ngăn bằng bê tông xuyên sáng có thể làm điểm nhấn cho toàn bộ khung cảnh nội thất. Và khi có hiệu ứng ánh sáng từ các bóng đèn màu sắc khác nhau, đó sẽ là những tác phẩm trang trí nghệ thuật thực thụ.

Bê tông xuyên sáng còn rất thích hợp làm lớp phủ đường, vỉa hè cạnh các tòa nhà/ công trình, hoặc lát các đường lên xuống những khu

biệt thự đơn lập. Nếu những lối đi này được trang bị thêm các thiết bị chiếu sáng, cùng một lúc ba chức năng sẽ được thực hiện: Tính thực tế, tính thẩm mỹ và tính năng bảo vệ. Những con đường này sẽ trở thành “ngọn hải đăng” cho các lái xe - điều vô cùng quan trọng đối với những khu vực không có hệ thống chiếu sáng công cộng. Dự án vỉa hè phát sáng vào ban đêm được triển khai tại Stockholm (Thụy Điển) từ năm 2006 là ví dụ điển hình cho ứng dụng nêu trên của bê tông xuyên sáng. Nói tóm lại, việc ứng dụng loại vật liệu cải tiến này ở quy mô lớn sẽ có tác dụng thúc đẩy kiến trúc các đô thị sáng và đẹp rực rỡ hơn.

Lần đầu tiên, các nhà thiết kế và các kiến trúc sư đã có thể làm việc với một loại vật liệu cho hiệu quả cao để trang trí trong công việc thiết kế cảnh quan, trang trí các cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng sang trọng.

Khả năng dẫn truyền ánh sáng tối ưu đạt được nhờ việc sắp xếp các sợi quang theo chu vi hình chữ nhật hướng lên bề mặt tấm bê tông. Bề mặt này cần được gia công rất nhẵn để tăng độ sáng. Các bước xử lý kỹ thuật của thiết bị phun cát sẽ tạo một bề mặt hơi mờ đục cho sản phẩm.

Chế tạo bê tông xuyên sáng có thể thực hiện thủ công hoặc cơ giới hóa, với các bước xử lý tương tự như xử lý đá tự nhiên và đá bê tông

xây dựng - xẻ đá, xử lý bằng dụng cụ đục đá, mài khô và mài ướt. Các công đoạn xử lý đặc biệt gồm có tiện (cắt) các rãnh, chạm giũa; cắt, mài/ đánh bóng.

Khi lắp ghép các khối bê tông xuyên sáng cũng cần chú ý đúng quy trình: Việc lắp ghép các khối bê tông xuyên sáng trên các tường chịu lực được thực hiện nhờ các neo mặt dựng trên các tường. Việc lắp ghép có thể thực hiện cả với các kết cấu khung tự lực, thông qua các bước: Định vị tường xây, lắp đặt khung cố định và gắn các khối bê tông bằng keo xây dựng.

Với các tính chất cơ lý đặc biệt, bê tông xuyên sáng có thể đảm nhận các chức năng bao che công trình, chịu lực cho công trình, thay thế đèn chiếu sáng và đặc biệt hiệu quả trong trang trí nội thất.

Hiện nay, bê tông xuyên sáng được đánh giá là vật liệu xây dựng của tương lai - có thể khẳng định chắc chắn thông qua nhu cầu thực tế loại bê tông này trên thị trường xây dựng thế giới đang tăng lên rõ rệt hàng năm.

S . Sukhovaya

Nguồn: Tạp chí Quy hoạch Xây dựng Nga

tháng 2/2016

ND: Lê Minh

Quy hoạch chiến lược và quản lý chiến lược trong đô thị

Trong vài thập niên cuối của thế kỷ XX, ở khắp các châu lục đã diễn ra khủng hoảng quy hoạch trên phạm vi rộng. Sự phát triển sẽ làm thay đổi cách tiếp cận đối với đô thị, từ tĩnh sang động, và quy hoạch chiến lược trở thành một công cụ hiệu quả để quản lý đô thị và tổ chức hệ thống các đô thị. Do loại quy hoạch này phải đối diện với nhiều thách thức, xác định các trở ngại đối với việc đưa một mô hình quy hoạch đô thị thành công là rất cần thiết. Việc thiếu cách tiếp cận thích hợp và chính xác đối với quy hoạch chiến lược đô thị, quy hoạch

thiếu thực tiễn, thiếu sự đồng thuận của những người có thẩm quyền quyết định và các chiến lược đã xây dựng không phù hợp với mục tiêu của kế hoạch phát triển đô thị... là những thách thức lớn nhất.

Quy hoạch đô thị phát triển rất nhanh chóng. Theo các số liệu dự báo đến năm 2030 sẽ có thêm hai tỷ người trở thành cư dân đô thị và áp lực của sự gia tăng dân số đô thị sẽ thấy rõ nhất ở các nước đang phát triển. Hơn 50% tổng dân số thế giới sẽ sinh sống tại các đô thị vừa và nhỏ, cho nên, để quản lý nhu cầu và các

nguồn lực của đô thị thì công tác quản lý và quy hoạch đô thị có vai trò quan trọng. Đối với các đô thị lớn, cũng đồng thời là các siêu đô thị của thế giới, việc nghiên cứu giải pháp cho các vấn đề đô thị của chúng cũng rất quan trọng. Do đó, các nhà quản lý và lãnh đạo đô thị cần nghĩ đến các giải pháp có tính chiến lược - đó là quy hoạch đô thị chiến lược.

Quản lý chiến lược là quản lý các thay đổi nhanh chóng của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức, thay đổi cơ cấu tuổi của hệ thống xã hội, các thay đổi về kinh tế và chính trị, những thay đổi bất ngờ hoặc không dự báo được của thời đại, các khủng hoảng mang tính thời đại về nhiên liệu, các nguồn tài nguyên chủ yếu và vấn đề ô nhiễm môi trường.

Quy hoạch chiến lược là công cụ chủ đạo để giải quyết các vấn đề của đô thị và giúp cho đô thị phát triển tốt hơn trong tương lai ở khía cạnh xã hội, kinh tế, văn hóa và môi trường... Ví dụ như quy hoạch chiến lược của thành phố Luân Đôn (Anh) năm 2000 đã đưa ra các chỉ tiêu về phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng môi trường, sự bình đẳng của mọi người dân đối với các cơ hội và phối hợp quy hoạch này với các quy hoạch của quốc gia và vùng. Quy hoạch đô thị Istanbul năm 1998 đã xây dựng mục tiêu phát triển thành phố Istanbul thành một đô thị toàn cầu, gắn liền với việc bảo vệ các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan, giảm áp lực lên khu vực nội thành, đẩy mạnh phát triển các trung tâm khoa học, giải trí, nghệ thuật. Quy hoạch đô thị Barcelona năm 1990 đề ra hai giai đoạn, trong đó xây dựng các mục tiêu lớn như xây dựng thành phố Barcelona trở thành một đô thị châu Âu có chất lượng cuộc sống cao, có tầm ảnh hưởng lớn hơn ở khu vực Địa Trung hải và cải thiện các dịch vụ phục vụ các cơ sở công nghiệp, tạo ra cho Barcelona một tầm ảnh hưởng lớn trong hệ thống đô thị toàn cầu.

Quy hoạch đô thị đưa ra định hướng cho các hành động trong tương lai liên quan đến việc

phân bổ nguồn lực và thúc đẩy nỗ lực của các tổ chức và cá nhân liên quan nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể cho đô thị.

Từ thập niên 1980 trở lại đây, khái niệm chiến lược trong quy hoạch và quản lý ngày càng được mở rộng. Chiến lược được xem là một bộ giải pháp và chính sách đưa ra định hướng chung và cách thức để đạt được các mục tiêu. Trên cơ sở đó, quy hoạch chiến lược chỉ ra các nhiệm vụ, cơ hội và thách thức, điểm mạnh và điểm yếu, cơ cấu tổ chức thực hiện.

Theo quan điểm của nhà quy hoạch Mazur (1998), quy hoạch chiến lược gồm 4 bước: Tầm nhìn, nhiệm vụ, mục tiêu và chiến lược. Đầu vào của quá trình này bao gồm: Các nhiệm vụ và triết lý của việc thành lập tổ chức, các giá trị cơ bản và đội ngũ quản lý điều hành cấp cao, nhận dạng và xác định phạm vi ảnh hưởng của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức, thu thập các dữ liệu cần thiết, các mục tiêu và cách thức tham gia của các bên liên quan, xác định các nhiệm vụ mới của tổ chức, tuyên bố về các giá trị của tổ chức, tuyên bố về tầm nhìn và các mục tiêu chất lượng tổng thể.

Nói chung, các quy hoạch thường bao giờ cũng có những thách thức, những hạn chế như vấn đề môi trường, các trở kháng nội tại và đòi hỏi chi phí tốn kém. Do đó, quy hoạch là một công việc khó, cần phải có kỹ năng, sự sáng tạo, khả năng phân tích và tổng hợp. Một số khó khăn đối với việc áp dụng mô hình quy hoạch chiến lược trong quy hoạch đô thị có thể bao gồm: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của đô thị thiếu bền vững, sự thiếu nhất quán trong quy hoạch và quản lý phát triển, các vấn đề về quyền tài sản và các chế định về đất đai, sự yếu kém về quản lý đô thị, thiếu sự tham gia của cộng đồng trong phát triển đô thị... Ngoài ra, việc tối ưu hóa và thống nhất giữa quy hoạch và cơ cấu quản lý cũng là những thách thức mà các thành phố ở các nước đang phát triển phải đối mặt, đặc biệt là những thành phố lớn.

Quy hoạch đô thị là một nỗ lực mang tính tư

duy và hệ thống nhằm khai thác các nguồn lực của đô thị một cách tốt nhất và hiệu quả nhất để mang lại môi trường sống thịnh vượng, trong lành và dễ chịu cho người dân đô thị.

Cuộc cách mạng thế kỷ XVIII và sự phát triển nhanh chóng trong thế kỷ XIX có thể được xem là cội nguồn của nhiều lĩnh vực về khoa học, kỹ thuật, kinh tế... Sự phát triển công nghệ thông tin và những biểu hiện rõ nét của môi trường đô thị đã góp phần hình thành chủ nghĩa đô thị kiểu mới trên phạm vi toàn cầu. Sự ra đời và phát triển của các cơ sở công nghiệp hiện đại, cùng với làn sóng di cư quy mô lớn từ nông thôn ra các đô thị và trung tâm công nghiệp đã tạo ra nhiều vấn đề cho đô thị.

Dưới sức ép đó, quy hoạch đã được đưa ra ở tất cả các cấp, đặc biệt là cấp thành phố. Từ hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ 2 dẫn đến sự bùng nổ về hoạt động tái thiết các thành phố, từ đó làm giàu thêm tri thức về quy hoạch đô thị. Những thay đổi căn bản về quản lý quy hoạch đô thị diễn ra vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, khi những điểm yếu về lý luận và thực tiễn thiết kế đã được bộc lộ. Trong thời kỳ này, người ta thường ít quan tâm đến các khía cạnh chất lượng phát triển đô thị. Sự thay đổi cấu trúc và hoạt động của các cộng đồng đô thị dẫn đến việc chuyển đổi sang quan điểm quy hoạch đô thị cho từng thời gian khác nhau, bao gồm cách tiếp cận có tính tổng thể, hợp tác và chiến lược. Quy hoạch tổng thể đô thị tạo ra thành phố trên bản vẽ như là một đối tượng tĩnh.

Nhược điểm lớn nhất của các quy hoạch tổng thể là bỏ qua đặc điểm phát triển động của các đô thị theo các điều kiện môi trường bị tác động mạnh bởi sự phức tạp. Chỉ có quy hoạch chiến lược mới có thể giải quyết được các vấn đề của thời đại và đưa ra các giải pháp thích ứng linh hoạt. Theo Stein Berg (2005), quy hoạch chiến lược có thể được hiểu là một hệ thống các sự sẵn sàng để thay đổi và có tầm nhìn xa. Ba đặc điểm cơ bản nhất của quy hoạch chiến lược là: Phân tích môi trường bên

trong và bên ngoài, sự tham gia của các bên liên quan và việc thực hiện. Các chương trình chiến lược đô thị phân biệt rõ môi trường bên trong và bên ngoài. Môi trường bên ngoài không thể kiểm soát được do tính phức tạp và không ổn định của nó. Và cách hiệu quả nhất là làm giảm sự bất ổn định trong môi trường này nhằm thực hiện các chương trình hiệu quả, là sự hợp tác của các bên, các mạng lưới và các tổ chức trung gian.

Các đô thị là chủ thể chính để tổ chức giải quyết các vấn đề của đô thị, họ có thể nỗ lực hiệu quả thông qua việc quan tâm đến các mô hình phát triển đô thị nhằm đạt được phúc lợi công cộng và phải đối mặt với những thách thức của các quy hoạch chiến lược gắn liền với các chiến lược đề ra và thực hiện các hợp phần của một chương trình phát triển đô thị lý tưởng.

Quản lý chiến lược là hướng tới tương lai, thích ứng, sáng tạo và là cách thức hệ thống để quản lý những sự thay đổi cũng như tương lai của đô thị, do đó, các nhà lãnh đạo đô thị có thể áp dụng mô hình quy hoạch và quản lý chiến lược để đối phó với những thay đổi nhanh chóng của môi trường bên trong và bên ngoài và bằng cách xây dựng các kế hoạch lý tưởng đảm bảo cho sự thành công của đô thị trong bối cảnh thời đại có sự biến đổi nhanh về cấu trúc xã hội, kinh tế, thể chế chính trị và những thay đổi đột ngột không dự đoán trước được.

Một trong những yếu tố mang lại hiệu quả cho quy hoạch chiến lược đó là sự tham gia của các đối tác chính trong phát triển các chương trình đô thị. Trong thực tế, các cơ quan hành pháp địa phương và các hạn chế của họ về thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập các quy hoạch đô thị khiến cho họ phải sử dụng các quy hoạch của cấp trên, và quá trình này cản trở sự hợp tác và tham gia của các tổ chức và các nguồn lực hiệu quả của địa phương, do đó nguyên tắc sự tham gia của cộng đồng không thực hiện được và không tạo ra được một quy hoạch thành công.

Mặt khác, cách tiếp cận chiến lược khác với các tiếp cận quy hoạch đô thị truyền thống ở chỗ nó chú trọng đến điểm mạnh và điểm yếu nội tại và các cơ hội cũng như hiểm họa về môi trường. Cách tiếp cận này mang lại khả năng phát triển tích hợp đô thị và tạo ra một thiết chế khung cho tất cả các chiến lược và chính sách khác liên quan đến khu vực đô thị. Do đó, quan tâm đến quy hoạch chiến lược và các trở ngại

cho sự phát triển lành mạnh mà quy hoạch này chỉ ra sẽ giúp cho các đô thị xây dựng được các chương trình phát triển thành công.

Morteza Ramezani và các cộng sự
Nguồn: Tạp chí Khoa học ứng dụng và hạ tầng số 5/2015
ND: Bạch Tuấn

Trung Quốc thúc đẩy tài nguyên hóa rác thải

Cùng với việc từng bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa kiểu mới, Trung Quốc đã tiến hành thúc đẩy toàn diện công tác thu gom, tái sử dụng rác thải xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, coi đó là nhiệm vụ chiến lược cực kỳ cấp bách.

1. Những tồn tại trong công tác xử lý rác thải xây dựng ở Trung Quốc

Theo ông Hàn Tiên Phúc - Giám đốc Liên minh Chiến lược đổi mới kỹ thuật công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng Trung Quốc cho biết, những năm gần đây, tổng lượng phát thải rác thải xây dựng mỗi năm của Trung Quốc vào khoảng 3,55 tỷ tấn, chiếm tương ứng 40% rác thải đô thị, riêng thủ đô Bắc Kinh, lượng rác thải xây dựng phát sinh mỗi năm vào khoảng 40 triệu tấn. Dự báo trong những năm tới, cùng với sự đẩy mạnh đô thị hóa kiểu mới, lượng rác thải xây dựng tại Trung Quốc sẽ càng nhiều hơn nữa.

Mặc dù lượng rác thải xây dựng phát sinh hàng năm lớn như vậy, nhưng hiện nay, phương thức chủ đạo trong xử lý rác thải xây dựng ở Trung Quốc vẫn là chôn lấp và chất đống lộ thiên. Các phương thức xử lý như vậy này sẽ làm nảy sinh các vấn đề về môi trường, đồng thời chiếm dụng một diện tích đất rất lớn. Bên cạnh đó, do sự hỗ trợ về mặt chính sách trong xử lý tài nguyên hóa rác thải xây dựng tại Trung Quốc chưa phù hợp, công tác quản lý vẫn tồn tại nhiều bất cập, chính quyền các địa phương

thiếu nhiệt tình đối với các doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng... cho nên việc xử lý tài nguyên hóa rác thải xây dựng tại Trung Quốc vẫn chưa hình thành mô hình công nghiệp hóa hiệu quả.

Ngoài ra, do thiếu các tiêu chuẩn chuyên ngành tương ứng cũng đã khiến cho số lượng các doanh nghiệp xử lý tài nguyên hóa rác thải xây dựng tại Trung Quốc quá ít ỏi, kỹ thuật xử lý rác thải xây dựng lạc hậu hơn nhiều so với các quốc gia phát triển, tỷ lệ tài nguyên hóa rác thải xây dựng cũng thấp hơn nhiều so với tỷ lệ tài nguyên hóa bình quân 90% tại các nước phát triển khi chỉ có chưa đến 5% rác thải xây dựng được tái sử dụng.

2. Sự hỗ trợ về chính sách trong xử lý rác thải xây dựng

Công tác tài nguyên hóa rác thải xây dựng cần có sự hỗ trợ về chính sách của nhà nước và các địa phương như chính sách công nghiệp, chính sách đất đai, chính sách tài chính... mới có thể thúc đẩy ngành công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng đi vào quỹ đạo phát triển tốt đẹp.

“Kế hoạch thúc đẩy phát triển tuần hoàn nền kinh tế năm 2015” của Trung Quốc đã đưa ra yêu cầu đối với việc đẩy mạnh tài nguyên hóa rác thải xây dựng, chỉ rõ cần phải nghiên cứu và đưa ra “Ý kiến chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và tài nguyên hóa rác thải xây dựng” và “Phương án thí điểm tài nguyên hóa rác thải xây

dụng”, triển khai công tác xây dựng các tỉnh thí điểm trong quản lý và tài nguyên hóa rác thải xây dựng, khích lệ các địa phương tìm tòi các hình thức vận hành cơ chế thị trường hóa, đổi mới mô hình đầu tư trong lĩnh vực tài nguyên hóa rác thải xây dựng, tạo ra các cơ hội mới trong phát triển ngành công nghiệp tài nguyên hóa rác thải tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, tình hình hiện nay cho thấy chỉ có một số nơi đưa ra các hỗ trợ chính sách về đầu tư cho các doanh nghiệp có liên quan, mức độ hỗ trợ của chính quyền trong đầu tư đối với các doanh nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng vẫn cần được hoàn thiện.

Ngoài ra, việc thu gom rác thải xây dựng vẫn thiếu các chính sách quy phạm. Mặc dù mỗi năm Trung Quốc sản sinh một lượng lớn rác thải xây dựng, xong lại chưa thiết lập cơ chế thu gom bắt buộc và thống nhất, các doanh nghiệp tiến hành thi công, tháo dỡ, vận chuyển ... thường tiến hành xả thải hoặc chôn lấp rác thải xây dựng một cách tùy tiện nhằm giảm thiểu chi phí xử lý của mình.

3. Hoàn thiện thể chế, quy phạm sự phát triển của Ngành

Hiện tại, các quy định pháp luật đề cập đến xử lý rác thải xây dựng vẫn không xác định rõ chủ thể trách nhiệm trong xử lý rác thải xây dựng, mức độ xử phạt đối với các hành vi sai phạm vẫn chưa đủ sức răn đe. Vì vậy, Nhà nước cần đẩy nhanh việc hoàn thiện các chính sách pháp luật có liên quan để có thể giải quyết các vấn đề nổi cộm trong xử lý rác thải xây dựng.

- *Thứ nhất*, xác định rõ chủ thể trách nhiệm trong xử lý rác thải xây dựng. Hệ thống các quy định pháp luật hiện hành của Trung Quốc chưa xác định rõ chủ thể trách nhiệm trong xử lý rác thải xây dựng, là chủ đầu tư, đơn vị thi công hay đơn vị tháo dỡ, điều này dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho nhau trong quá trình xử lý rác thải.

- *Thứ hai*, nâng cao tỷ lệ tài nguyên hóa rác thải xây dựng. Hệ thống các quy định hiện hành

của Trung Quốc chủ yếu quan tâm tới giảm lượng và xử lý vô hại hóa rác thải xây dựng, chưa có quy định rõ ràng nào về tái sử dụng hay tài nguyên hóa rác thải xây dựng. Vì vậy, Nhà nước cần thông qua hệ thống thể chế pháp luật, xác định rõ hơn nữa và nâng cao hơn nữa tỷ lệ tài nguyên hóa rác thải xây dựng, đưa tỷ lệ tài nguyên hóa tại đô thị, tình hình vận hành xây dựng cũng như năng lực xử lý của các cơ sở xử lý rác thải xây dựng vào hệ thống chỉ tiêu đánh giá thành tích của chính quyền các địa phương.

- *Thứ ba*, tăng mức xử phạt đối với các hành vi sai phạm. Các quy định pháp luật hiện hành tại Trung Quốc có mức độ xử phạt khá thấp đối với các hành vi xả rác thải xây dựng không theo quy định, xử lý rác thải xây dựng gây ô nhiễm và các hành vi gây nguy hại tới môi trường khác, hơn nữa chi phí mà các chủ thể vi phạm phải chi trả còn thấp, các biện pháp trừng phạt có liên quan không đủ tác dụng răn đe, do đó cần phải nâng cao hơn nữa mức phạt dành cho các chủ thể trách nhiệm trong xử lý rác thải xây dựng.

- *Thứ tư*, quy phạm trình tự phát triển công nghiệp. Hiện tại, công tác tài nguyên hóa rác thải xây dựng tại Trung Quốc đang trong giai đoạn phát triển nhanh, do đó từ bình diện chính sách và pháp luật nhà nước, cần tiến hành quy phạm đối với tư cách các doanh nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng. Chỉ cần tỷ lệ tài nguyên hóa rác thải xây dựng của các doanh nghiệp đạt được mức quy định (ví dụ 95%) trở lên thì những doanh nghiệp này mới được nhận định là doanh nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng, được hưởng những hỗ trợ chính sách có liên quan của Chính phủ. Thêm vào đó, mức độ hỗ trợ về mặt chính sách đối với các doanh nghiệp cần được xác định theo tỷ lệ tài nguyên hóa, quy mô kinh doanh sản xuất của doanh nghiệp để từ đó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng.

4. Thúc đẩy xây dựng tiêu chuẩn hóa, dẫn dắt sự phát triển của ngành Xây dựng

Sự thiếu hụt các tiêu chuẩn sẽ trực tiếp gây ra các kiểu hành vi vi phạm như tháo dỡ sai quy định, xả thải tùy tiện, tỷ lệ thu gom tận dụng thấp, ô nhiễm thứ cấp từ các loại rác thải có tính nguy hại cao..., gây bất lợi cho sự phát triển lành mạnh của ngành công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng. Tất cả các khâu như xử lý sơ bộ, vô hại hóa, tài nguyên hóa, quản lý quy phạm hóa vận chuyển, lưu trình gia công chuyên sâu, kỹ thuật tận dụng hiệu quả cao, các tiêu chuẩn kỹ thuật trong các thiết bị công nghệ chủ đạo... đều cần các tiêu chuẩn quy phạm và rõ ràng.

Trong bối cảnh các tiêu chuẩn của Trung Quốc còn thiếu hoàn thiện, tháng 12/2014, rất nhiều tiêu chuẩn do Liên minh Chiến lược đổi mới kỹ thuật công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng Trung Quốc công bố liên quan tới tận dụng tài nguyên hóa rác thải xây dựng đã tạo sự hưởng ứng rộng rãi trong nội bộ ngành Xây dựng Trung Quốc. Trước khi các tiêu chuẩn thống nhất của nhà nước được ban hành, việc mở rộng và sử dụng các tiêu chuẩn của “Liên minh” thực sự có ý nghĩa hết sức tích cực.

Để bù đắp hiệu quả những thiếu hụt trong

hệ thống tiêu chuẩn của nhà nước Trung Quốc, kịp thời ứng phó với sự thay đổi trong thị trường, đồng thời cung cấp những căn cứ tham khảo quan trọng đối với các chính sách và tiêu chuẩn do Chính phủ đưa ra, “Liên minh” đã nghiên cứu và thiết lập nên hệ thống tiêu chuẩn công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng.

Tính đổi mới, hoàn chỉnh và tiên tiến của hệ thống tiêu chuẩn do “Liên minh” đưa ra có khả năng giải quyết hiệu quả rất nhiều vấn đề về kỹ thuật trong chuỗi công nghiệp tài nguyên hóa rác thải xây dựng. Được biết, hệ thống tiêu chuẩn này hiện đã được một công ty thuộc thành phố Bắc Kinh kiểm chứng và đang trong quá trình thực thi hiệu quả. Đối với hệ thống tiêu chuẩn của Nhà nước Trung Quốc sẽ được kiện toàn ở hiện tại hay trong tương lai, hệ thống tiêu chuẩn này có tác dụng quan trọng trong việc quy phạm trật tự, dẫn dắt phương hướng cho sự phát triển của Ngành xây dựng Trung Quốc.

Ngưu Phúc Liên

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc,
số 2/2016*

ND: Kim Nhạn

Con đường phát triển xanh tại các thành phố vừa và nhỏ của Trung Quốc

Ngày nay, phát triển xanh đang là xu thế và trào lưu trên thế giới. Tại Hội nghị Toàn thể lần thứ V Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 18 đã đề ra 5 khái niệm phát triển trong thời kỳ mới đó là: Đổi mới, phối hợp, xây dựng xanh, mở rộng, chia sẻ, thông qua những khái niệm này để chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc trong tương lai.

Theo số liệu mới nhất, năm 2015, tổng GDP tại các thành phố vừa và nhỏ đạt hơn 53 nghìn tỷ NDT, chiếm 84.7% tổng GDP cả nước. Thành phố vừa và nhỏ đã trở thành động lực quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển nền kinh tế, là một phần quan trọng trong mối liên

hệ giữa đô thị và nông thôn và cũng là trực chiến lược quan trọng trong việc hợp nhất giữa đô thị và nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển thành phố vừa và nhỏ, mặc dù vẫn cần phải giải quyết những vấn đề cơ bản của đô thị hóa, nhưng đây cũng là con đường quan trọng để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội.

Theo chuẩn mực mới, làm sao để thành phố vừa và nhỏ có thể thúc đẩy xây dựng xanh, tăng cường hướng dẫn bố trí nguồn lực công nghiệp và dịch vụ công cộng, nâng cấp chất lượng và số lượng, trong khả năng chịu tải của môi trường, bố trí bố cục công nghiệp hợp lý.

1. Phát triển xanh là con đường tất yếu

Hiện nay, sự phát triển nền kinh tế của Trung Quốc đang bước vào một chuẩn mực mới, chuẩn mực mới đòi hỏi phải có các biện pháp hiệu quả để đối phó với nguồn tài nguyên đang ngày càng hạn hẹp, tình hình bảo vệ sinh thái cũng ngày càng rơi vào tình trạng ảm đạm. Tại Hội nghị Toàn thể lần thứ V đã đề xuất thúc đẩy thiết lập hệ thống công nghiệp phát triển tuần hoàn, thấp cacbon, điều này đòi hỏi các khu vực trong quá trình phát triển nền kinh tế phải tuân thủ môi trường sinh thái tốt như người dân mong đợi, việc xây dựng văn minh sinh thái và thúc đẩy xây dựng xanh thấp cacbon phải được thực hiện một cách phù hợp với nhau.

Việc quan trọng nhất trong xây dựng văn minh là cần xử lý tốt mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, thiết lập khái niệm đúng đắn về phát triển. Tại Hội nghị Toàn thể lần thứ 5 cũng đưa ra một loạt các trình bày liên quan tới phát triển xanh, không chỉ đưa ra một cách rõ ràng về khái niệm phát triển xanh, mà còn đưa ra con đường thực hiện phát triển xanh, đồng thời, để kiện toàn hệ thống quy định pháp luật văn minh sinh thái và chỉ ra phương hướng, cần thống nhất tư tưởng xây dựng văn minh sinh thái, rõ ràng về mục tiêu và vai trò hoạt động.

Những năm gần đây, không ít những thành phố vừa và nhỏ của Trung Quốc phải đối mặt với những lo ngại ngày càng tăng, 3 vấn đề mâu thuẫn thể hiện rõ nét là: Mâu thuẫn giữa việc nhanh chóng thúc đẩy đô thị hóa và người dân thành phố phải sống chung với khu vực công nghiệp; mâu thuẫn giữa việc đẩy mạnh công nghiệp hóa và bảo vệ môi trường, cuối cùng là đô thị và nông thôn phát triển mất cân bằng. Tuy nhiên, phát triển xanh và văn minh sinh thái ngày càng được nhiều thành phố đồng thuận và lựa chọn, do đó, cần tập trung thông qua tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy giải quyết những thách thức của đô thị hóa.

2. Quy hoạch bảo vệ phát triển xanh

Để tránh đầu tư một cách mù quáng, phá đi xây lại, giảm tổng chi phí xây dựng, nâng cao

hiệu quả tổng thể của xây dựng và phát triển, xây dựng đô thị cần thiết phải được quy hoạch trước, bởi quy hoạch là một điều kiện tiên quyết, là nền tảng và cũng là chìa khóa cho một kế hoạch tốt.

Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 là kế hoạch phát triển xanh đầu tiên của Trung Quốc, nội dung của kế hoạch đã đưa ra một loạt các mục tiêu về năng lượng, khí hậu và môi trường, hướng dẫn lập kế hoạch rõ ràng đối với phát triển xanh, đồng thời cung cấp hướng mới cho sự phát triển đô thị Trung Quốc. Từ tình hình thực tế có thể thấy, hiện nay nhiều thành phố của Trung Quốc đang tích cực trên con đường phát triển xanh có chi phí thấp, hiệu quả, phát thải thấp và phát triển bền vững. Thiết lập thành phố xanh, phát triển xanh, không chỉ là mục tiêu chiến lược phát triển của nhiều đô thị lớn, mà còn là tâm điểm phát triển đô thị vừa và nhỏ.

Năm 2014, trong quy hoạch đô thị và thị trấn mô hình mới quốc gia, đã đề xuất cần nhanh chóng phát triển đô thị vừa và nhỏ. Hiện nay, trong phạm vi thiết kế nghiên cứu kế hoạch 5 năm lần thứ 12 đang được triển khai trên toàn quốc, trên cơ sở quy hoạch phát triển đô thị và thị trấn mô hình mới quốc gia hiện có, các thành phố sẽ từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế xanh bao quanh đô thị, bảo vệ môi trường, năng lực quản trị... xây dựng kế hoạch phát triển đô thị xanh. Trong tương lai, các đô thị vừa và nhỏ cần nắm bắt các cơ hội chiến lược, tích cực nghiên cứu và khám phá, xây dựng những yêu cầu chiến lược phù hợp với quốc gia, quy hoạch chiến lược phát triển đô thị xanh cần phải phù hợp với tình hình thực tế của khu vực, mang đến sự ổn định và đảm bảo quy hoạch phát triển xanh đô thị.

3. Phát triển xanh là lực cạnh tranh của đô thị

Để đô thị trở nên hiện đại có sức hấp dẫn, thì xây dựng thành phố phải thể hiện được cá tính và điểm đặc trưng riêng. Có chuyên gia cho rằng, hiện nay, tại một số thành phố vừa và

nhỏ, để tạo ra sự khác biệt về hình ảnh của thành phố, có thành phố đã thực hiện không đúng với tình hình thực tế, thiếu chiều sâu nghiên cứu và phân tích đối với cơ sở phát triển đô thị và môi trường văn hóa lịch sử, mở rộng ưu thế nguồn lực một cách đơn giản. Do điều kiện cơ sở vốn có không đạt tiêu chí đặc sắc, khiến quá trình thực hiện xây dựng xuất hiện tình trạng kém hiệu quả và gượng gạo, làm cho thành phố càng thiếu nét đặc sắc hơn.

Phát triển xanh không chỉ đơn giản là những danh từ “sơn thủy”, “văn hóa”, “sống tốt”, mà là cần tìm ra khả năng cân bằng tốt nhất giữa năng lực thực của sinh thái và tăng trưởng kinh tế, sử dụng đầy đủ các nguồn lực, thông qua việc tăng cường kiểm soát hoạt động, hình thành tối ưu hóa cấu trúc, để phát triển thành

phố xanh trên một nền tảng vững chắc.

Nét đặc trưng là lực cạnh tranh của những thành phố vừa và nhỏ, đặc biệt còn là “hình tượng” của những thành phố nhỏ. Tuy nhiên, các thành phố vừa và nhỏ cũng cần tuân thủ việc sử dụng và tiết kiệm đất, kiểm soát chặt chẽ cường độ phát triển khu đô thị chính, chiều cao xây dựng, tăng cường bảo tồn văn hóa lịch sử. Đồng thời, xem xét bố cục khu sinh thái xung quanh và đô thị, đặc biệt là chú ý đến sự tương tác giữa đô thị và nông thôn, tạo ra môi trường sống tốt nhất.

Trần Châm

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn> (báo Xây dựng Trung Quốc ngày 11/12/2015)

ND: Bích Ngọc

Bộ Xây dựng và GIZ ký kết Thỏa thuận hợp tác thực hiện Dự án quản lý nước thải tại các đô thị Việt Nam

Sáng ngày 01/4/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Lễ ký thỏa thuận thực hiện Dự án quản lý nước thải tại các đô thị Việt Nam giai đoạn IV giữa Bộ Xây dựng và Cơ quan Hợp tác Đức (GIZ). Bà Kirsten Heneger - Phó Đại diện GIZ tại Việt Nam và ông Phạm Khánh Toàn - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Xây dựng được ủy quyền ký Văn bản thỏa thuận.

Tham dự và chứng kiến Lễ ký có PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng; TS. Dirk Pauschert - Giám đốc Chương trình Quản lý nước thải GIZ; ông Cao Lại Quang - Chủ tịch Hội cấp thoát nước Việt Nam - nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng; và đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ Xây dựng và các chuyên gia của GIZ.

Phát biểu tại Lễ ký kết, PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến cho biết, Chương trình quản lý nước thải các đô thị tỉnh ty Việt Nam đã trải qua 03 giai đoạn (2005 - 2014), mục tiêu nhằm hỗ trợ Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, các công ty thoát nước và xử lý nước thải thực hiện nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải một cách bền vững.

Từ những kết quả đạt được của 3 giai đoạn trước, Chương trình tiếp tục được củng cố và nhân rộng, thể chế hóa những kết quả đó để cải thiện khung pháp lý, tăng cường năng lực và quản lý tri thức hướng tới phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Chính phủ Đức đã cam kết hỗ trợ thực hiện giai đoạn IV đồng thời cũng là giai đoạn cuối của Chương trình.

PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến cũng cho biết, Giai đoạn IV của dự án sẽ tập trung vào ba lĩnh vực hoạt động chính, đó là Cải thiện khung pháp lý quản lý thoát nước và xử lý nước thải; Tăng cường năng lực đáp ứng nhu cầu về chuyên môn kỹ thuật và quản lý trong lĩnh vực



Bà Kirsten Heneger - Phó Đại diện GIZ Việt Nam phát biểu tại Lễ ký kết

nước thải; Cải thiện quản lý tri thức ngành thoát nước và xử lý nước thải cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp công ty. Giai đoạn IV này, Bộ Xây dựng là chủ Dự án, các đơn vị thực hiện gồm Cục Hạ tầng kỹ thuật, Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong khuôn khổ Dự án. Thời gian thực hiện Dự án là 3 năm, từ tháng 1/2015-12/2017.

Đại diện tổ chức GIZ phát biểu tại Lễ ký kết, Bà Kirsten Heneger bày tỏ vui mừng được có mặt tại sự kiện này để ký tên vào văn bản thỏa thuận thực hiện giai đoạn IV Chương trình nước thải sau hơn 10 năm hợp tác tốt đẹp giữa GIZ và Bộ Xây dựng, thể hiện qua 3 giai đoạn trước của Chương trình.

Đồng tình với ý kiến phát biểu của PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến, Bà Kirsten Heneger cho biết, mục tiêu của giai đoạn III là tiếp tục thể chế hóa các bài học kinh nghiệm đã có trong các giai đoạn trước và tiếp tục tăng cường năng lực cho các tổ chức có liên quan đến ngành thoát nước, xử lý nước thải của Việt Nam. Dự án này là bài học kinh nghiệm rất tốt và thể hiện cách tiếp cận đa cấp mà GIZ thực hiện trong các chương trình, dự án của GIZ tại Việt Nam và trên thế giới, tức là có các cấp tác động khác



Bà Kirsten Heneger và ông Phạm Khánh Toàn thực hiện việc ký kết

nhau, cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp công ty. Những bài học kinh nghiệm có được từ cấp công ty, cấp tỉnh được đưa lên Bộ Xây dựng để thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật - đây cũng là quan điểm của GIZ về tạo ra một diễn đàn hợp tác của các bên có liên quan, không chỉ là các công ty mà cả các Hội chuyên ngành.

Tại Lễ ký kết, PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến -



Toàn cảnh Lễ ký kết

đại diện cho Bộ Xây dựng Việt Nam và Bà Kirsten Heneger - đại diện GIZ tại Việt Nam bày tỏ mong muốn quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng và GIZ sẽ ngày càng được tăng cường và phát triển, cũng như tin tưởng Dự án sẽ thành công và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Minh Tuấn

Cuộc họp lần thứ 2 Ban điều phối chung Dự án CCQS

Ngày 13/4/2016, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra cuộc họp lần 2 Ban điều phối chung Dự án Tăng cường năng lực trong dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng (CCQS). Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh và Phó đại diện Tổ chức JICA tại Việt Nam - ông Kenichi Yamamoto đồng chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có các thành viên là đối tác của Dự án, gồm đại diện các Cục, Vụ của Bộ Xây dựng, Cố vấn trưởng Shoichi Takada, Trưởng đoàn dự án Masafumi Yamauchi và các chuyên gia của JICA.

Tại cuộc họp này, Ban Điều phối Dự án đã nghe các chuyên gia báo cáo kết quả thực hiện các hợp phần của Dự án trong năm qua, đồng thời thảo luận về kế hoạch triển khai các hoạt động trong thời gian tới.

Phát biểu tại cuộc họp, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, Dự án CCQS được Bộ



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại cuộc họp

Xây dựng đặc biệt quan tâm. Với sự trợ giúp của Đại Sứ quán Nhật Bản, JICA và các tổ chức liên quan, dự án đã được triển khai và thu được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, quá trình triển khai dự án cũng còn một số vướng mắc, tồn tại về vấn đề thủ tục cần được hai bên thảo luận và thúc đẩy thực hiện để hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đánh giá cao sự



Phó Đại diện JICA Việt Nam - ông Yamamoto phát biểu tại cuộc họp

hỗ trợ của JICA, nỗ lực của cố vấn trưởng dự án và các chuyên gia Nhật Bản, sự phối hợp của các Cục, Vụ của Bộ Xây dựng trong việc xây dựng các báo cáo hợp phần đánh giá kết quả các đầu ra của dự án sau một năm thực hiện.

Báo cáo kết quả thực hiện các hợp phần của dự án, cố vấn trưởng Shoichi Takada bày tỏ cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị liên quan để dự án đảm bảo thực hiện theo các kế hoạch đề ra.

Ông Takada cho biết, mục tiêu lớn của dự án là nhằm cải thiện các quy định về quản lý các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách. Theo ma trận thiết kế của dự án, trong năm 2015 - 2016 sẽ thực hiện 3/5 mục tiêu cụ thể, đó là (1) Tăng cường năng lực nhận diện các công việc cần thiết về quản lý chất lượng thi công; (2) Tăng cường năng lực nhận diện các công việc cần thiết về quản lý an toàn thi công; (3) Tăng cường năng lực tích hợp các công tác quản lý thi công vào dự toán chi phí cho công tác gián tiếp của nhà thầu.

Với sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan của Bộ Xây dựng và các chuyên gia JICA, đảm bảo mỗi đầu ra đều có sự tham gia của các Cục, Vụ và 02 chuyên gia đảm nhiệm. Thực hiện các hoạt động chung của đầu ra 1,2,3, các chuyên gia và đối tác của dự án đã tiến hành khảo sát thực tế tại 05 dự án, trong đó có 02 dự án sử dụng vốn vay JICA và 03 dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Tính đến cuối tháng 3/2016, đầu ra 1 đã thực hiện việc rà



Toàn cảnh cuộc họp

soát các thông lệ hiện hành về quản lý chất lượng thi công và nhận diện các vấn đề tồn tại; Lập kế hoạch chuẩn về quản lý chất lượng; Lập dự toán cho công tác quản lý chất lượng cho các dự án nghiên cứu tình huống dựa trên kế hoạch chuẩn về quản lý chất lượng. Đầu ra 2 đã thực hiện rà soát các thông lệ hiện hành về quản lý an toàn thi công; Lập kế hoạch chuẩn về quản lý an toàn thi công; Lập dự toán cho công tác quản lý an toàn thi công cho các dự án nghiên cứu tình huống. Đầu ra 3 đã thực hiện rà soát hệ thống dự toán chi phí hiện tại; Lập tài liệu hướng dẫn về dự toán chi phí; Lập dự thảo Thông tư hướng dẫn thể chế hóa việc lập dự toán chi phí.

Theo ông Takada, nhìn chung các hợp phần của dự án đã được triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch. Có một số việc như thiết lập PCU và bổ nhiệm chuyên gia đối tác, hay như việc lựa chọn các dự án sử dụng ngân sách phục vụ cho nghiên cứu tình huống còn chậm trễ, tuy nhiên vẫn đang trong phạm vi kiểm soát. Trong thời gian tới, với sự hợp tác tích cực giữa Bộ Xây dựng và JICA, những vấn đề tồn tại sẽ nhanh chóng được giải quyết.

Đồng thời là các đối tác của dự án, đại diện các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng như Vụ Kinh tế xây dựng, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Cục Hoạt động Xây dựng, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị đã phát biểu bình luận về báo cáo kết quả

đầu ra của các hợp phần, đồng thời cũng đề xuất một số kiến nghị để hai bên cùng thảo luận, đặc biệt là kiến nghị nghiên cứu sâu hơn về chi phí trực tiếp trong các dự án xây dựng, bổ sung hạng mục quan trắc sự vận hành của công trình.

Phát biểu tổng kết cuộc họp, đại diện Tổ chức JICA - ông Yamamoto bày tỏ cảm ơn Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh và các đại biểu tham dự cuộc họp đã có những ý kiến trao đổi và

đóng góp rất cởi mở và thiết thực.

Về đề xuất của Bộ Xây dựng về mở rộng nghiên cứu chi phí trực tiếp, ông Yamamoto đề nghị đoàn chuyên gia tiếp tục làm việc cụ thể với Bộ Xây dựng, nếu như có thể bố trí được con người và thời gian để nghiên cứu, phía JICA sẵn sàng hỗ trợ kinh phí cho việc này trong khuôn khổ dự án.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng sơ kết công tác Quý I, triển khai nhiệm vụ Quý II/2016

Ngày 14/4/2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp giao ban về công tác chỉ đạo điều hành Quý I, chương trình công tác tháng 4 và Quý II/2016 của Bộ Xây dựng. Dự cuộc họp có Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng, các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Thứ trưởng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Đỗ Đức Duy, lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam, đại diện một số Ban, ngành Trung ương.

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2015 và những năm trước đó, trong Quý I/2016, Bộ Xây dựng đã tích cực triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được lãnh đạo Bộ đề ra, trên tất cả các lĩnh vực của Ngành như: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật; quản lý kiến trúc quy hoạch; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật; quản lý nhà ở và thị trường bất động sản; quản lý VLXD. Đồng thời ban hành và tổ chức triển khai Chương trình hành động của ngành Xây dựng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 7/1/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016. Ban hành và thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết

36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

Từ đầu năm đến nay, Bộ Xây dựng đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 4 Đồ án quy hoạch, góp ý điều chỉnh 7 đồ án quy hoạch, tổ chức thẩm định nhiệm vụ 5 quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, thẩm định 1 đồ án quy hoạch chung đô thị. Cùng với đó, Bộ Xây dựng tiếp tục đôn đốc các đơn vị, các địa phương thực hiện Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050; tiếp tục nghiên cứu, hướng dẫn cho ý kiến về các đồ án quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị tại các tuyến đô thị trong cả nước, các công trình kiến trúc trọng điểm, các dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn và có yêu cầu đặc biệt tại các địa phương.

Bộ Xây dựng cũng đã chủ động hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu xử lý các vướng mắc trong quản lý dự án, quản lý hợp đồng xây dựng, điều chỉnh tổng mức đầu tư cũng như xử lý những vướng mắc về biến động giá đồng thời tập trung rà soát, sửa đổi hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật như: Suất vốn đầu tư, định mức dự toán xây dựng, định mức quản lý chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình, định mức chi phí xây dựng, định mức chi phí quản lý dự án và



Quang cảnh cuộc họp

tư vấn đầu tư xây dựng công trình, định mức chi phí quy hoạch xây dựng và đô thị đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí.

Quý I/2016, Bộ Xây dựng tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai các Chương trình phát triển nhà ở trọng điểm như: Chương trình nhà ở cho người có công với cách mạng, Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng Sông Cửu Long, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, lụt vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015, Chương trình phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị, Chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp, Chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho học sinh, sinh viên.

Thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2016, trong 3 tháng đầu năm, Hội đồng Nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng đã tổ chức 24 đợt kiểm tra hiện trường, 2 cuộc họp xem xét, đánh giá thiết kế, xử lý các vấn đề kỹ thuật. Qua kiểm tra, các đoàn công tác của Hội đồng đã phát hiện các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý chất lượng, kịp thời nhắc nhở, chỉ đạo và hướng dẫn chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục và tăng cường kiểm soát chất lượng.

Bên cạnh việc chú trọng thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, Bộ Xây dựng cũng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, khi đã tổ chức 20 đoàn thanh tra đi kiểm



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tặng hoa chúc mừng tân Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng

tra thực tế các đơn vị, địa phương và ban hành 16 kết luận thanh tra. Qua thanh tra, các đoàn công tác đã phát hiện nhiều sai phạm, kiến nghị điều chỉnh thanh toán, xuất toán, thu hồi các khoản chi sai nguyên tắc, sai khối lượng, kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý trách nhiệm của nhiều tổ chức, cá nhân có những sai phạm theo quy định của pháp luật, trong đó đã thực hiện thu hồi về tài khoản tạm giữ của Thanh tra Bộ số tiền 3,4 tỷ đồng.

Nói về nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Xây dựng trong Quý II/2016, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh: Bộ Xây dựng sẽ tập trung xây dựng chương trình hành động của Bộ Xây dựng giai đoạn 2016 - 2020; tiếp tục bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng và bổ sung, hoàn thiện Quy chế làm việc của Bộ; thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển đô thị; kiểm soát sự phát triển và phục hồi của thị trường bất động sản, đặc biệt chú trọng phát triển nhà ở xã hội; đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp thuộc Bộ, các đơn vị sự nghiệp; hoàn thiện ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá phản hồi của người dân, dư luận xã hội đối với các chính sách của Ngành đồng thời sửa đổi, bổ sung các chính sách pháp luật mới phù hợp với các điều ước quốc tế, các hiệp định thương mại mà Việt Nam mới tham gia.

Trần Đình Hà

Các đặc điểm về thể chế trong nâng cao chất lượng hạ tầng xã hội của LB Nga

Ngày nay, nâng cao chất lượng công trình hạ tầng xã hội phụ thuộc vào các đặc điểm thể chế và khả năng của cơ chế tự quản lý (TQL) và cùng quản lý trong hoạt động kinh tế. Điều đó có thể đem lại những lợi ích to lớn cho các doanh nghiệp của Nga và người tiêu dùng, góp phần nâng cao chất lượng hàng hoá và dịch vụ.

Xây dựng được xem là lĩnh vực đi đầu trong việc hỗ trợ giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội của khu vực, do đó, cần chú ý các đặc điểm về thể chế có thể ảnh hưởng đến việc cải thiện chất lượng của các công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực.

Việc xây dựng cách tiếp cận thống nhất trong công tác tổ chức hệ thống kiểm tra và đánh giá chất lượng công trình xây dựng trong điều kiện TQL là một nhiệm vụ cấp bách.

Nguyên tắc quan trọng nhất của sự TQL là sự nhất trí cao của các thành viên của mỗi hiệp hội nghề nghiệp và hiệp hội kinh doanh

Quá trình chuyển đổi từ sự quản lý của nhà nước sang sự TQL đã diễn ra trong ngành xây dựng. Vào giữa thế kỷ trước, 19 Bộ cấp liên bang quản lý các chuyên ngành xây dựng đã được thành lập ở Liên Xô. Lĩnh vực quản lý của các Bộ được hình thành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ theo chuyên ngành và khu vực lãnh thổ. Ngoài ra, Ủy ban Xây dựng dân dụng nhà nước và Ủy ban Nhà nước về xây dựng và đầu tư (Ủy ban XDNN) cũng được thành lập. Sự đa dạng của các bộ cho phép quản lý hoạt động xây dựng của các ngành, đẩy nhanh tiến độ công nghiệp hóa, tăng khối lượng xây dựng và bảo đảm nhà ở cho nhân dân.

Sau khi Liên Xô tan rã, các Bộ nêu trên được tổ chức lại thành Ủy ban XDNN LB Nga (Rosstroy), nhưng chức năng không bao gồm soạn thảo các văn bản pháp quy kỹ thuật. Năm 2008 Ủy ban XDNN LB Nga ngừng hoạt động

và các chức năng quản lý nhà nước đối với ngành Xây dựng được chuyển sang cho Bộ Phát triển vùng LB Nga. Tình trạng nêu trên dẫn đến sự hình thành hình thức TQL trong lĩnh vực đầu tư - xây dựng ở nước Nga mà còn tồn tại cho đến ngày nay ở LB Nga và sự thành lập Hiệp hội xây dựng Nga vào năm 1991.

Sự phát triển của hình thức TQL hoạt động kinh tế bắt đầu được xem như là một phần của chiến lược hợp lý hóa sự giám sát của nhà nước trong nền kinh tế, do đó Ủy ban Đổi mới ngành Xây dựng trực thuộc Ủy ban XDNN LB Nga đã tán thành thực hiện quan điểm an ninh xây dựng, bao gồm: Sự thẩm định thống nhất của nhà nước đối với hồ sơ thiết kế và sự giám sát của nhà nước đối với hoạt động xây dựng; các nhà thầu khảo sát kỹ thuật, thiết kế và xây dựng bắt buộc phải là thành viên của các hiệp hội phi thương mại; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng đối với thiệt hại do lỗi của nhà thầu; chủ đầu tư xây dựng bắt buộc thực hiện sự bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

Tháng 12/2007, Luật liên bang số 315-FZ "Về tổ chức tự quản lý" đã được ban hành. Luật này hướng tới giảm sự can thiệp của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng và bắt đầu triển khai thiết lập hệ thống TQL hoàn chỉnh, trong khi vẫn duy trì hệ thống cấp phép nhà nước đối với các loại công tác xây dựng.

Tuy nhiên, một thời gian sau đó những người tham gia thị trường xây dựng nhận thấy rằng hệ thống cấp phép trong ngành Xây dựng hoạt động thiếu hiệu quả và không bảo đảm an toàn xây dựng ở mức độ cần thiết, không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của sản phẩm xây dựng, nhất là không bảo đảm độ tin cậy của các đối tượng tham gia hoạt động xây dựng. Trong bối cảnh đó, hệ thống cấp phép đã ngừng hoạt động do không còn phù hợp với các yêu cầu

mới trong xây dựng và không đủ năng lực phối hợp hoạt động của ngành trong tương lai. Việc ngừng hoạt động của hệ thống cấp phép được triển khai tại Luật liên bang số 148-FZ ngày 22/7/2008.

Luật số 148-FZ quy định đối với các loại công việc xây dựng có ảnh hưởng đến sự an toàn xây dựng thì việc tham gia thị trường xây dựng bắt buộc phải được cấp phép của tổ chức tự quản lý (TCTQL), và sự cho phép đó cũng mang tính bắt buộc đối với việc xây dựng các công trình phức tạp và độc đáo về kỹ thuật liên quan đến yêu cầu nâng cao mức an toàn, như: An toàn cơ khí cho công trình trong điều kiện khai thác thông thường; an toàn cháy cho công trình; an toàn cho công trình trong các điều kiện thiên nhiên - khí hậu và đất đai phức tạp; an toàn vệ sinh - dịch tễ cho công trình; an toàn cho các hệ thống bên trong và bên ngoài, cho việc bảo đảm kỹ thuật công trình cho các công trình; sự tác động ở mức an toàn của công trình lên môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng và khai thác; an toàn phóng xạ cho công trình; an toàn cho các công trình thủy công.

Với mục tiêu phối hợp hoạt động của các hội xây dựng, Hiệp hội xây dựng quốc gia (HHXDQG) đã được thành lập như một cấu trúc thượng tầng phi chính phủ bên trên hệ thống các TCTQL. Mục tiêu của HHXDQG là vận động hành lang cho lợi ích của các TCTQL trong các dự án luật và tập hợp tất cả các hội xây dựng vào một hệ thống TQL thống nhất và bảo vệ lợi ích của các tổ chức đó trước sự can thiệp quá mức của nhà nước cũng như trước các TCTQL khác. Do vậy, vị trí mới của thị trường như sau: Nhà nước chia sẻ chức năng kiểm tra, giám sát và quản lý ngành cho các TCTQL trong đó vẫn duy trì chức năng giám sát hành vi của các chủ thể tham gia thị trường.

Sự tăng số lượng tai nạn và sự cố thể hiện sự thiếu hiệu quả của công tác kiểm tra từ phía các đơn vị xây dựng và sự giám sát của nhà nước đối với chất lượng thi công. Thực trạng đó

làm nảy sinh sự cần thiết kiểm tra chất lượng các công tác xây dựng đã thực hiện.

Các mối liên hệ giữa việc đào tạo và trình độ chuyên môn của chuyên gia với chất lượng xây dựng cần phải được quan tâm, do vậy tất cả những nỗ lực của các tổ chức thuộc ngành xây dựng cần phải hướng vào việc nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chuyên gia.

Tại Cộng hòa Tatarstan có trên 30 tổ chức đào tạo nghề bậc trung cấp và đại học đang đào tạo cán bộ, chuyên gia cho ngành xây dựng, ngành nhà ở và công trình công cộng, bảo đảm nhân lực cho các công ty xây dựng trong nước. Quá trình đào tạo được thực hiện với sự hỗ trợ của Bộ Giáo dục và khoa học LB Nga và các công ty xây dựng chuyên ngành.

Tuy nhiên, ngành vẫn thiếu cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn cao và chuyên gia quản lý xây dựng đạt trình độ chuyên nghiệp. Điều đó đã và đang ảnh hưởng đến những dự tính chiến lược trong nền kinh tế và trong việc quản lý các tổ chức.

Mong muốn của nhà thầu giảm chi phí xây dựng đến mức thấp nhất là nguyên nhân tạo ra dòng nhân công đến từ các nước láng giềng, mà bằng cách nào đó đã ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm xây dựng.

Để được cấp giấy phép thực hiện công việc xây dựng, tổ chức xây dựng cần đáp ứng được những yêu cầu đặt ra đối với cơ cấu nhân lực của tổ chức này và bắt buộc định kỳ thực hiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chuyên gia phù hợp với quy định tại Bộ luật Quy hoạch phát triển đô thị và Nghị định số 207 ngày 24/3/2011 của Chính phủ LB Nga.

Hiện nay, ngành xây dựng thiếu sự quản lý nhà nước và khoa học mang tính tập trung, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước thấp do sử dụng thiết bị lạc hậu, năng suất lao động thấp, mức tiêu thụ năng lượng cao và mức độ tự động hóa và tin học hóa các quy trình sản xuất còn chưa cao.

Năm 2012, LB Nga gia nhập Tổ chức

Thương mại Thế giới (WTO) dẫn đến sự nâng cao đặc tính tiêu dùng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, cũng như sự tham gia của LB Nga trong chuyên môn hoá quốc tế củng cố vị thế cạnh tranh của nước Nga trên thế giới đối với một số lĩnh vực kinh tế.

Việc nước Nga gia nhập WTO bắt buộc thúc đẩy phát triển kinh tế, công nghệ và tri thức, do việc thiếu thương mại hóa các sản phẩm tri thức và sự thiếu quan tâm của các tổ chức trong việc sử dụng các giải pháp mới cùng với việc không đủ năng lực quản lý kinh doanh và trình độ đào tạo thấp sẽ dẫn đến phá sản và sự trì trệ trong nền kinh tế. Việc LB Nga gia nhập WTO sẽ ảnh hưởng như thế nào đến ngành xây dựng và thị trường xây dựng xét theo hai khía cạnh sau: Giảm thuế nhập khẩu VLXD và các trách nhiệm liên quan đến việc cấp phép cho công ty nước ngoài tham gia thị trường cung cấp dịch vụ xây dựng trong nước. Giảm hoặc bỏ thuế đối với VLXD và thiết bị là thực sự cấp thiết đối với ngành xây dựng. Tuy nhiên, nhập khẩu VLXD cơ bản với mức thuế thấp hoặc bằng không là không hợp lý về mặt kinh tế do sự khác nhau về đặc điểm địa lý và sự hạn chế về kết cấu hạ tầng.

Trong những năm gần đây, hàng chục nhà máy hiện đại được xây dựng bằng nội lực hoặc với sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, khiến khối lượng sản xuất VLXD trong nước tăng. Cần lưu ý rằng ngành xây dựng Tatarstan hiện có hơn 500 doanh nghiệp xây dựng đang hoạt động, trong đó có 60 nhà máy sản xuất các sản phẩm bê tông cốt thép, bê tông, vữa xây dựng, 24 nhà máy gạch. Các công ty xây dựng lớn của phương Tây đã và đang ra sức cải thiện năng lực sản xuất cho phù hợp hơn với thị trường tiêu thụ.

Cho đến nay, tại LB Nga sự an toàn của VLXD chưa được quản lý, những thông báo về sự phù hợp của các loại VLXD được sử dụng trong xây dựng mới chỉ đề cập đến một số lượng nhỏ nhóm VLXD. Ở LB Nga luật pháp và sự

quản lý của nhà nước đòi hỏi bắt buộc đổi mới hệ thống mua sắm công và hiện đại hóa hệ thống văn bản pháp quy kỹ thuật cũng như đưa các yêu cầu về xây dựng và kiểm tra, giám sát vào các văn bản ban hành trên cấp liên bang.

Việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, như Luật số 184-FZ "Về quản lý kỹ thuật" là việc bổ sung các điều khoản về an toàn sản phẩm vào văn bản này nhằm nâng cao trách nhiệm của nhà sản xuất cung cấp hàng hoá ra thị trường, đồng thời việc thực hiện Chương trình áp dụng hệ thống tiêu chuẩn châu Âu (Eurocodes) thay thế các tiêu chuẩn và quy định được xem là việc làm đem lại hiệu quả.

Trong thực tế, việc áp dụng các tiêu chuẩn Châu Âu là một quá trình phức tạp. Tại Đức nơi các hệ thống tiêu chuẩn hoá được phát triển đầy đủ, nếu dự thảo tiêu chuẩn không được phê duyệt thì sẽ không được công nhận là tiêu chuẩn quốc gia. Bên cạnh đó, các nước có trình độ tiêu chuẩn hóa thấp hơn nhưng họ vẫn tích cực áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu, đôi khi thậm chí họ không bổ sung và sửa đổi các tiêu chuẩn đó.

Ví dụ, ở Phần Lan, do không có nhu cầu lớn về xây dựng cầu nên việc soạn thảo các ứng dụng quốc gia về xây dựng cầu đã không được đặt ra. Tiêu chuẩn châu Âu tạo điều kiện cho việc sử dụng các thiết kế đã có sẵn, do vậy rất thuận tiện đối với các nước nơi vì những nguyên nhân khác nhau nên các chuyên ngành xây dựng còn chưa được hoàn thiện.

Trong hệ thống tiêu chuẩn quốc tế ISO đã có hơn 760 tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực xây dựng. Ngành xây dựng LB Nga áp dụng các tiêu chuẩn trong nước, có tính đến các đặc điểm về khí hậu, xã hội, địa chấn, địa vật lý, quá trình địa chất đặc biệt nguy hiểm, bên cạnh đó cũng đã có trên 200 tiêu chuẩn quốc gia được áp dụng thành công và các tiêu chuẩn này được soạn thảo phù hợp với các yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc tế và châu Âu.

Đối với LB Nga, do sự tồn tại của rất nhiều

đặc điểm khác biệt do vậy việc áp dụng tiêu chuẩn châu Âu trong mọi lĩnh vực là không không khả thi. Việc chuyển ngành xây dựng sang áp dụng các tiêu chuẩn và quy định quốc tế kết hợp với việc ngừng áp dụng các tiêu chuẩn hiện hành (GOST) và các tiêu chuẩn và quy định xây dựng (SNIIP) có thể gây ra các sự cố lớn và nhỏ.

Cần lưu ý và nhấn mạnh rằng trong tương lai gần, sự hội nhập của tất cả các quốc gia vào không gian kinh tế thế giới sẽ là điều tất yếu và điều đó sẽ tạo ra các tiêu chuẩn châu Âu và các tiêu chuẩn xây dựng trong đó có tính đến các đặc điểm của các khu vực lãnh thổ. Sự áp dụng tiêu chuẩn châu Âu cần phải đồng bộ, trên cơ sở tự nguyện và được xem như một sự lựa chọn hiệu quả cho các tiêu chuẩn quốc gia, tạo ra điều kiện cạnh tranh bình đẳng cho tất cả các thành viên tham gia thị trường xây dựng.

Điều đáng lưu ý là trên thị trường của nước Nga ngày nay có nhiều doanh nghiệp xây dựng nước ngoài đang hoạt động và họ cũng đang tích cực phát triển, thành lập các công ty chi nhánh hoặc các pháp nhân khác, và họ cũng có thể được quyền sử dụng thương hiệu nước ngoài trên thị trường Nga.

Pháp luật hiện hành không cấm các doanh nghiệp nước ngoài tham gia đấu thầu xây dựng. Họ được mời thầu bình đẳng với các doanh nghiệp Nga. Ưu điểm chính của các doanh nghiệp nước ngoài đó là chất lượng sản phẩm ổn định được bảo đảm bởi hệ thống quản lý chất lượng sẵn có. Sự gia nhập của Nga vào WTO sẽ thay đổi các khuôn khổ pháp lý và quy trình đấu thầu theo hướng hoàn thiện hơn.

Hiện nay, vấn đề của các doanh nghiệp xây dựng trong nước là trang thiết bị lạc hậu, thiếu tài liệu pháp quy kỹ thuật mới, thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giá năng lượng và vận tải đường sắt cao. Những vấn đề đó tác động trực tiếp lên chất lượng của sản phẩm xây dựng và không cho phép họ có được năng lực cạnh tranh trên phạm vi quốc tế.

Trên thực tế tại các nước châu Âu hàng năm 14 - 15% trang thiết bị được đổi mới, còn ở nước Nga sự đổi mới trang thiết bị không diễn ra nhiều hơn một lần trong 20 - 25 năm, tương ứng là năng suất lao động thấp hơn 20 lần.

Tất cả các công trình lớn đều sử dụng hệ thống tín dụng, tuy nhiên: Tại các nước giá trị tín dụng trong khoảng từ 1% đến 3%, cao nhất là 5%; tại Nga, giá trị tín dụng từ 12% đến 18%. Lãi suất cao làm tăng giá thành và giá cuối cùng của các công trình xây dựng.

Mặc dù những thay đổi quan trọng đang diễn ra trong ngành xây dựng tuy nhiên ngành sẽ chưa nhanh chóng đạt được những cải thiện đáng kể do các công ty xây dựng cần thời gian để thích ứng với tiêu chuẩn xây dựng Châu Âu. Trong bối cảnh đó, các công ty nước ngoài đang ở vào vị thế có lợi hơn do lâu nay họ đã áp dụng các tiêu chuẩn trên. Biện pháp được xem là hợp lý đó là phân định rõ ràng giới hạn trong xây dựng các công trình nhà ở, công trình công nghiệp và các công trình tuyến tính. Sự tham gia của các công ty nước ngoài trong việc xây dựng nhà ở đang ở mức thấp nhất, xây dựng công trình công nghiệp thì ở mức cao hơn và được thực hiện theo hình thức "chìa khóa trao tay". Do vậy, vấn đề nảy sinh sẽ là tổ chức công tác quản lý chất lượng dựa trên kinh nghiệm quốc tế.

Nâng cao yêu cầu đối với chất lượng xây dựng và không sử dụng VLXD kém chất lượng có thể dẫn đến sự mở rộng của các tổ chức xây dựng, tuy nhiên dù là doanh nghiệp vừa hay nhỏ họ vẫn có thể duy trì vị trí trên thị trường, nếu họ đi theo con đường nâng cao chất lượng xây dựng.

E.A. Dobroserdova và A.I. Rakhmatulli

Nguồn: Bản tin Trường đại học kiến trúc - xây dựng, Kazan (tiếng Nga), số 2/2015

ND: Huỳnh Phước

Trào lưu nhà thuyền tại Mỹ

Hiện nay tại thành phố Philadelphia (Mỹ), có rất nhiều người giàu đua nhau mua nhà thuyền. Phải chăng họ đã chuyển những ngôi nhà sang trọng để đặt trên mặt nước? Trước đây, những ai sinh sống trên thuyền được xem là những kẻ điên rồ, thế nhưng hiện nay tại Mỹ, nhiều người cho rằng cuộc sống phiêu du trên mặt nước khiến con người trở nên thư thái.

Do môi trường trên mặt nước rất dễ chịu, khá nhiều người giàu ở Mỹ thích thú với cuộc sống trên những nhà thuyền. Mặc dù họ có đủ khả năng mua được những ngôi nhà đẹp trên mặt đất, nhưng cách sống thư giãn gần với nước, gần với tự nhiên lại được họ lựa chọn. Họ cho rằng, theo đuổi cuộc sống giàu sang, hào nhoáng ở đô thị khó mang lại cho họ một cuộc sống gần gũi với thiên nhiên.

Glassboro - thị trấn nằm phía Tây Nam hạt Gloucester, bang New Jersey, đồng thời thuộc phía Nam của Philadelphia là một trong những điểm dừng nghỉ của những ngôi nhà thuyền lớn nhất thành phố này. Các chủ nhà thuyền có thể đưa ngôi nhà của họ đi tới New York hoặc Long Island, cũng có thể phiêu du tới phía Nam Deauville (Khu nghỉ mát nổi tiếng bên bờ biển Đại Tây Dương).

Tại những thành phố được bao bọc bởi những con sông, người Mỹ sẽ xây dựng nhiều nhà thuyền gần nhau, tạo nên những địa danh nhân văn theo phong cách Mỹ. Vào những năm 1980 của thế kỷ trước, những “phố nhà thuyền” có giá cả phải chăng gia tăng nhanh chóng tại Philadelphia, đây được coi là hiện tượng hiếm gặp trên thế giới. Theo tìm hiểu, bình quân giá của mỗi ngôi nhà thuyền tại Mỹ dao động trong khoảng 200 - 800 nghìn USD, khá rẻ so với những ngôi nhà đắt đỏ tại khu vực đô thị. Do trọng tâm trong các chính sách nhà ở của Mỹ là “cung cấp cho toàn thể người dân nước Mỹ những ngôi nhà đạt tiêu chuẩn, an toàn và đủ khả năng chi trả”, chính vì vậy, Chính phủ Mỹ

cũng đã tiến hành điều chỉnh và kiểm soát sự ổn định của thị trường nhà thuyền từ nhiều phương diện như pháp luật, hành chính, thuế..., khích lệ mạnh mẽ, đồng thời đưa ra những hình thức khen thưởng nhất định để các nhà khai thác xây dựng càng nhiều những ngôi nhà thuyền giá rẻ và những ngôi nhà thuyền cho thuê giá rẻ.

Những ngôi nhà thuyền cổ nhất ven bờ sông Schuylkill tại Philadelphia có từ những năm 1970 của thế kỷ XIX. Chúng dùng để thay thế cho những công trình trên mặt nước tạm thời lúc bấy giờ. Sau những năm 1970 của thế kỷ XX, từ một dòng sông thủy triều tự nhiên, Schuylkill đã biến thành một hồ nước dài hẹp với nguồn nước trong lành, điều này đã tạo nên động lực mạnh mẽ cho thị trường nhà thuyền tại Philadelphia. Kể từ năm 1980, trên dòng sông Schuylkill của Philadelphia, khu vực cư dân nhà thuyền cũng như các nhà hàng ăn uống trên nhà thuyền, khách sạn nhà thuyền, phố nhà thuyền trở nên đông đúc hơn. Năm 1987, phố nhà thuyền tại Philadelphia được đề xuất lựa chọn vào danh sách di tích lịch sử quốc gia của Mỹ. Những năm gần đây, nhằm tăng cường tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, Bộ Năng lượng Mỹ đã nỗ lực mở rộng các kỹ thuật mới về “nhà thuyền không tiêu hao năng lượng”. Thông qua cải tiến thiết kế và vật liệu công trình, hao phí năng lượng trong những ngôi nhà thuyền tại Mỹ đã giảm 70%. Những “nhà thuyền không tiêu hao năng lượng” có rất nhiều ưu điểm như ít biến đổi nhiệt độ trong nhà, không sợ ngắt điện, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm... Kỹ thuật mới này xem nhà thuyền là một chỉnh thể vận chuyển hợp tác giữa rất nhiều yếu tố, tức là thông qua thiết kế chỉnh thể tốt nhất, tận dụng các loại vật liệu xây dựng tiên tiến nhất và các thiết bị tiết kiệm năng lượng trên thị trường để đạt được 100% nguồn điện và năng lượng cần thiết do nhà thuyền tự sản xuất.

Kỹ thuật “nhà thuyền không tiêu hao năng lượng” cần tiến hành tổ hợp tối ưu các nhân tố sau đây: Xác định thiết kế theo đặc điểm khí hậu khác nhau; hệ thống cấp nhiệt và hạ nhiệt bằng năng lượng mặt trời và hệ thống chiếu sáng tự nhiên; sử dụng thiết kế và vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng tiên tiến nhất; các thiết bị gia dụng và thiết kế chiếu sáng đều tiết kiệm điện, hệ thống phát điện và cung ứng nước nóng bằng năng lượng mặt trời...

Các chính sách liên quan tới nhà thuyền của Mỹ là một nội dung quan trọng trong Chính sách Công cộng của Chính phủ Mỹ với trọng tâm là: *Thứ nhất*, khích lệ xây dựng “nhà thuyền có thể ở được”; *Thứ hai*, đề cao tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; *Thứ ba*, thông qua các phương thức như khoản vay bảo đảm... giúp người dân sở hữu được những ngôi nhà thuyền của mình, từ đó thực hiện mục đích ổn định xã hội, dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng. Ví dụ, ngoài việc chủ nhà thuyền thanh toán lãi suất khoản vay thế chấp được miễn nộp thuế thu nhập cá nhân ra, các chính sách thu thuế đối với người sở hữu nhà thuyền còn bao gồm miễn thu thuế bất động sản, miễn giảm thu thuế đối với số tiền lãi thu được khi bán nhà thuyền, cho vay với lãi suất thấp đối với người lần đầu mua nhà thuyền. Các chính sách khích lệ thu thuế liên quan tới cho thuê nhà thuyền bao gồm: Trợ cấp thuế nhà thuyền đối với người có thu nhập thấp, trợ cấp thuế bảo vệ di tích lịch sử...

Dưới sự ưu đãi về mặt chính sách của Chính phủ, hiện tại thành phố Oklahoma đang phát triển “phố nhà thuyền năng lượng mặt trời” của mình, lấy đó là một động thái tăng cường nhất thể hóa giữa dòng sông Oklahoma và thành phố. “Phố nhà thuyền năng lượng mặt trời” này sẽ là một điểm sáng nữa về nhà thuyền kiểu Mỹ. Tất cả những ngôi nhà thuyền thuộc khu phố trên sông này đều sử dụng hệ thống phát điện bằng năng lượng mặt trời. Phương pháp hiện tại là thông qua lắp đặt trên phần mái nhà thuyền các vật liệu quang điện mỏng có vẻ



Những ngôi nhà thuyền tại Mỹ

ngoài giống như thủy tinh có màu để thực hiện mục đích phát điện bằng năng lượng mặt trời. Tính chất phát điện không ô nhiễm của vật liệu quang điện mỏng rất có lợi đối với môi trường của thành phố và dòng sông Oklahoma. Vật liệu quang điện mỏng này có tác dụng bảo vệ giống như các vật liệu trên mái thông thường, hơn nữa chúng lại có tính mềm dẻo, độ bền cao, trọng lượng nhẹ, chi phí dành cho lắp đặt thấp. Tuy nhiên, do vật liệu quang điện mỏng có khả năng hấp thụ nhiệt cực mạnh, vì thế trong quá trình lắp đặt cần sử dụng thêm các vật liệu siêu cách nhiệt để tránh “tăng nhiệt” cho khu vực bên trong nhà thuyền. Một điểm sáng khác trong những ngôi nhà thuyền phong cách Mỹ phải kể đến ngôi nhà thuyền sinh thái do nhà thiết kế bảo vệ môi trường Kerry Baorrier và giám đốc sáng tạo xanh Herb Kelleher xây dựng. Các thiết bị theo tiêu chuẩn phát triển bền vững được bố trí rất có trật tự tại không gian bên trong giúp căn nhà có khả năng tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường xung quanh.

Kể từ năm 1937, “khu nhà thuyền nổi tiếng” thuộc bến tàu 79 đã luôn trở thành một cảnh quan được chú ý trên đảo Manhattan. Mấy chục năm qua, đây là nơi dừng đỗ của hàng nghìn ngôi nhà thuyền hình thành dưới hình thức cải tạo từ những con thuyền buồm, du thuyền, tàu kéo, tàu thuyền phục vụ giải trí. Khu vực này có rất nhiều ngôi nhà thuyền của cư dân, nhà thuyền phục vụ ăn uống, nhà thuyền cà phê, nhà thuyền khách sạn... với kích thước to nhỏ khác nhau. Sống trên những ngôi nhà thuyền có

cả những người giàu có và những người dân bình thường ở các ngành nghề khác nhau. Cuộc sống phiêu du thư thái, gần với thiên nhiên đã khiến cho những người sinh sống trên những ngôi nhà thuyền cảm thấy bản thân sẽ không muốn lựa chọn một cách sống nào khác nữa.

Vương Chí Thành

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc,
số 3/2016*

ND: Kim Nhạn

Biện pháp giải quyết và những vấn đề trong xây dựng thành phố “bọt biển” tại tỉnh An Huy, Trung Quốc

Xây dựng thành phố bọt biển là mục tiêu mà Trung ương, Chính phủ Trung Quốc đưa ra để thúc đẩy xây dựng văn minh sinh thái, là biện pháp quan trọng để phát triển xây dựng xanh. Năm 2015, tỉnh An Huy khởi động xây dựng thành phố bọt biển, đồng thời là tỉnh dẫn đầu trong việc thực hiện xây dựng tiêu chuẩn này. Hiện nay, cơ quan chức năng đã lựa chọn 16 thành phố để thí điểm xây dựng mô hình thành phố bọt biển. Dự kiến, chính quyền trung ương sẽ hỗ trợ mỗi địa phương tham gia kế hoạch này là 400 triệu NDT. Ngoài ra, để thực hiện thành công chiến dịch này, Chính phủ khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào quá trình xây dựng hệ thống cống mới và yêu cầu các tổ chức tài chính nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ dự án.

Tuy nhiên, thành phố bọt biển là gì? Sẽ phải đối mặt với những vấn đề gì trong quá trình xây dựng và cần có biện pháp gì? Người dân nhận thức và hiểu về vấn đề này như thế nào?

Cái gọi là thành phố bọt biển, là chỉ thành phố giống như một miếng bọt biển, có khả năng thấm hút nước mỗi khi mưa xuống, tích trữ, lọc nước, khi cần thiết có thể lấy nước tích trữ để sử dụng, thông qua nhiều loại công nghệ, thực hiện lưu thông nguồn nước trong thành phố, đảm bảo an toàn sinh thái nước. Thành phố bọt

biển đã được một số nước trên thế giới áp dụng, như: Mỹ, Australia, Nhật Bản... Ở Trung Quốc, trong quy hoạch xây dựng của tỉnh An Huy từ rất sớm đã có ý tưởng này. Trong quy hoạch thôn cổ Huy Châu, do ảnh hưởng phong thủy truyền thống, nhấn mạnh việc sử dụng hợp lý địa hình để giải quyết các vấn đề về cấp nước, thoát nước, lũ lụt, hỏa hoạn và thủy lợi..., trong đó bao hàm cả ý tưởng xây dựng thành phố bọt biển. Hệ thống nước được cấu thành từ các sông, kênh, đập, đồng thời cũng là để giải quyết các vấn đề về cấp thoát nước, tạo khí hậu dễ chịu và cảnh quan cho toàn thôn.

1. Những vấn đề phải đối mặt trong xây dựng thành phố bọt biển tại tỉnh An Huy

Hiện nay, tỉnh An Huy đang trong giai đoạn phát triển đô thị hóa nhanh chóng, công tác xây dựng đô thị một mặt đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nhưng mặt khác, cũng tồn tại một số vấn đề do cường độ mở rộng phát triển cao. Trước khi xây dựng mở rộng và phát triển đô thị, 70 - 80% lượng mưa có thể thấm thấu vào lòng đất một cách tự nhiên. Nhưng sau khi đô thị mở rộng và phát triển, đặc điểm thủy văn và nền sinh thái tự nhiên vốn có đã bị thay đổi. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, khi đặc điểm thủy văn đặc trưng của 1 vùng phát sinh thay đổi đến 10%, nó sẽ có một số tác động

nhất định đến hệ sinh thái và môi trường, nếu như vượt qua ngưỡng 30%, thì nó sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái địa phương, thậm chí làm suy thoái sinh thái.

Sự khác biệt giữa các thành phố lớn Bắc - Nam. Căn cứ theo điều kiện địa hình và lịch sử, tỉnh An Huy có thể được chia thành 5 khu vực chính là: Đồng bằng Hoải Bắc, vùng đồi Giang Hoải, vùng Đại Biệt Sơn ở Hoản Tây, vùng đồng bằng ven sông Trường Giang và vùng núi Hoản Nam, sự khác biệt giữa các khu vực là rất lớn. Tại khu vực đồng bằng Hoải Bắc, lượng mưa trung bình hàng năm dưới 1.000mm, tại khu vực này, nước sử dụng cho đô thị chủ yếu là nước ngầm, nguồn nước tại khu vực này khá hạn chế, hệ thống đường nước trong thành phố và xung quanh đã bị ô nhiễm khá nghiêm trọng. Lượng mưa trung bình hàng năm tại vùng đồi Giang Hoải, vùng đồng bằng ven sông Trường Giang là trên 1.000mm, tài nguyên nước mặt phong phú, chất lượng hệ thống nước xung quanh các thành phố rất tốt, cục bộ bị ô nhiễm. Lượng mưa trung bình hàng năm tại vùng Đại Biệt Sơn ở Hoản Tây và vùng núi Hoản Nam là trên 1.000mm, cũng giống như vùng đồi Giang Hoải, vùng đồng bằng ven sông Trường Giang có tài nguyên nước mặt phong phú, chất lượng hệ thống nước xung quanh các thành phố rất tốt, cục bộ bị ô nhiễm nhẹ. Đặc điểm của những thành phố tại vùng núi Hoản Nam là bị xói mòn nghiêm trọng, lũ quét sạt lở đất, mức độ nhạy cảm sinh thái cao. Về vấn đề này, trong quá trình xây dựng thành phố bọt biển cần căn cứ vào điều kiện của địa phương, lựa chọn phương án kỹ thuật khác nhau.

Tỉnh An Huy là một tỉnh khá phức tạp, đối với các thành phố tại phía Nam, nguồn nước dồi dào nhưng chất lượng kém, công tác phòng chống ngập úng và bảo vệ chất lượng nước là những điểm trọng yếu cần đối mặt. Đối với các đô thị phía Bắc, cần bổ sung kênh mương và hồ điều hòa. Đồng thời tăng cường bổ sung nước mưa vào hệ thống nước ngầm. Cho dù là thành phố

phía Bắc hay Nam, khu vực xây dựng mới hay cũ, trong quá trình xây dựng thành phố bọt biển vẫn phải đối mặt với nhiều khía cạnh khác nhau. Các thành phố mới cần lấy mục tiêu làm định hướng, xây dựng ý tưởng và mục tiêu đưa vào quy hoạch. Các thành phố cũ cần lấy các vấn đề làm định hướng, tránh đào bới toàn bộ một cách mù quáng, cần kết hợp thúc đẩy đồng thời việc cải tạo nhà ổ chuột và nhà ở nguy hiểm.

Hỗ trợ kỹ thuật không đủ. Xây dựng đô thị bọt biển có tính toàn diện, đổi mới mạnh mẽ, tuy nhiên, các bộ phận thiết kế không đáp ứng với đòi hỏi ý tưởng mới, thiếu sự chuẩn bị; hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật chưa hoàn thiện, thiếu sự phối hợp chuyên nghiệp với nhau, việc ứng dụng sản phẩm không hình thành quy mô hóa. Tất cả những vấn đề này cần được cải thiện trong tương lai.

2. Thúc đẩy con đường xây dựng thành phố bọt biển của tỉnh An Huy

Thay đổi quan niệm về xây dựng. Mô hình xây dựng truyền thống là xây dựng những con đường rộng, quảng trường thật lớn, nhiều trường hợp, sau khi các công trình hạ tầng bên trên mặt đất đã hoàn tất, lại xây dựng hạ tầng đường ống thoát nước lớn hơn, dẫn đến chi phí đầu tư, vận hành bảo dưỡng cao. Trong khi đó, xây dựng thành phố bọt biển là một trong những điểm khởi đầu cho việc chuyển đổi xây dựng đô thị, từ mô hình định hướng tăng trưởng kinh tế chuyển đổi theo mô hình xây dựng văn minh sinh thái. Do đó, xây dựng đô thị sinh thái không đơn giản là một loại kỹ thuật, mà là cần nắm được triết lý quản lý và hoạt động của thành phố.

Tăng cường hướng dẫn lập quy hoạch. Thúc đẩy xây dựng thành phố bọt biển, cần lập quy hoạch trước. Đưa khái niệm về xây dựng thành phố bọt biển và các yêu cầu đối với hệ thống vào trong quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch khống chế và xây dựng các quy hoạch chi tiết. Để hướng dẫn rõ hơn về quy hoạch thành phố bọt biển, tỉnh An Huy đã dẫn đầu cả nước trong

việc xây dựng hướng dẫn kỹ thuật quy hoạch thành phố bọt biển.

Thực hiện và nắm bắt rõ ràng 3 nguyên tắc. Đó là: Giảm thất thoát nước từ đầu nguồn, quy trình kiểm soát, hệ thống quản trị. Giảm thất thoát từ đầu nguồn là thông qua việc kiểm soát cường độ phát triển, xây dựng mái nhà xanh, có thiết bị thu nước mưa... Quy trình kiểm soát là thông qua những địa hình hợp lý và sử dụng hiện có, thiết kế một cách khoa học, giảm áp lực cho hạ tầng thoát nước. Hệ thống quản trị là tăng cường xây dựng các hệ thống bọt biển, thực hiện mục tiêu mưa lớn không bị ngập úng

mà còn có thể tích nước.

Nắm rõ 5 hạng mục công trình. Cụ thể là thúc đẩy xây dựng các tiểu khu, các quảng trường, đường quốc lộ và công viên có mô hình bọt biển, đẩy nhanh việc xây dựng các công trình hạ tầng thoát nước và tích nước, tăng cường hệ thống bảo vệ nước và phục hồi sinh thái.

**Vệ Siêu Viện quy hoạch
tỉnh An Huy - Trung Quốc**
Nguồn: <http://www.zgghw.org>
ND: Bích Ngọc

Hoàn thiện cơ chế và thúc đẩy cải tạo nhà ở xuống cấp quy mô lớn - kinh nghiệm của tỉnh Quý Châu, Trung Quốc

Năm 2015, tỉnh Quý Châu đề ra mục tiêu cải tạo nhà ở cho 349.400 hộ, đến cuối tháng 10 năm 2015 đã hoàn thành cải tạo nhà ở đột nát cho 351.900 hộ, vượt mục tiêu nhiệm vụ trước thời hạn; trong đó có 88.200 hộ được hỗ trợ tiền tái định cư. Năm 2016 tỉnh Quý Châu tiếp tục đề ra mục tiêu cải tạo nhà ở đột nát cho 420.000 hộ.

1. Xây dựng kế hoạch trước

Tháng 7/2014, toàn tỉnh đã khởi động công tác xây dựng kho dự án cải tạo khu nhà ở đột nát xuống cấp, yêu cầu các địa phương nắm được quy hoạch chi tiết đối với các dự án, hoàn thiện trước danh sách những dự án của năm 2015, hình thành sổ cái về các dự án, thiết lập kho dự trữ các dự án cải tạo khu nhà ở đột nát xuống cấp trên toàn tỉnh, để việc báo cáo kế hoạch cho năm 2015 được chuẩn bị tốt hơn.

Tháng 9/2014, căn cứ báo cáo kế hoạch các dự án năm 2015 của các thành phố và quận huyện, kết hợp tình hình chung, tỉnh Quý Châu đã tiến hành kiểm tra từng dự án cụ thể về thủ tục pháp lý và các tài liệu, bản vẽ, lựa chọn các dự án đủ điều kiện khởi công ngay đầu quý

1/2015 để đưa vào kế hoạch, những dự án chưa đủ điều kiện thì đưa vào kế hoạch thực hiện giai đoạn sau, hình thành cơ chế kiểm tra dự án và báo cáo kế hoạch hàng năm theo một trật tự.

Đối với các dự án đủ điều kiện thì tiến hành khởi công sớm. Các địa phương dựa vào kết quả thẩm tra dự án và các quy định có liên quan để tiếp tục hoàn thiện các mục thủ tục Tháng 12/2014, tỉnh Quý Châu đã tổ chức một Hội nghị toàn tỉnh tại thành phố Đồng Nhân với các nội dung biểu thị tinh thần quyết tâm và tự tin của chính quyền các cấp để các dự án cải tạo nhà ở năm 2015 của các địa phương được thực hiện một cách thuận lợi trên nền tảng vững chắc.

2. Hoàn thiện cơ chế chính sách

Để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra về cải tạo nhà ở đột nát, tỉnh Quý Châu đã thiết lập cơ chế trách nhiệm mục tiêu. Chính quyền các cấp và chính quyền nhân dân tỉnh sẽ ký cam kết trách nhiệm mục tiêu hàng năm, làm rõ yêu cầu công tác, các mốc thời gian và nhiệm vụ công tác; chính quyền các địa phương tiếp tục ký cam kết trách nhiệm mục tiêu với các cơ quan bên dưới, phân chia trách nhiệm rõ ràng,

từ đó hình thành hệ thống cơ chế quản lý trách nhiệm mục tiêu từ trên xuống dưới.

Tỉnh Quý Châu đã thiết lập cơ chế quản lý giám sát chuyên mục, do cơ quan thanh tra tỉnh là đầu mối, các cơ quan có liên quan cùng định kỳ triển khai công tác giám sát để hình thành lên một cơ chế giám sát trên phạm vi toàn tỉnh.

Ngoài ra, cơ chế phản hồi thông tin cũng đã được thiết lập ở Quý Châu. Sở Xây dựng đô thị và nông thôn là cơ quan chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cải tạo nhà ở đột nát phải tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với 88 khu vực trên toàn tỉnh, kịp thời báo cáo tình hình triển khai ở từng địa phương, đồng thời tiến hành chỉ đạo hiện trường đối với những vấn đề xảy ra.

3. Xây dựng chế độ khen thưởng

Để đánh giá mức độ trách nhiệm của các cấp, tỉnh Quý Châu đã ban hành “chế độ trách nhiệm đối với công tác phát triển nhà ở xã hội tỉnh Quý Châu”, thiết lập cơ chế đánh giá trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo các cấp, tăng cường truy cứu trách nhiệm.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng ban hành “Biện pháp đánh giá công tác phát triển nhà ở xã hội của tỉnh Quý Châu” để đánh giá thành tích và hiệu quả mục tiêu của các dự án, kết quả kiểm tra, đánh giá được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong lĩnh vực cải tạo nhà ở đột nát và phát triển nhà ở xã hội, tỉnh Quý Châu đã thường xuyên tổ chức tổng kết kinh nghiệm, xây dựng các điển hình tiên tiến. Từ năm 2013 đến nay, dựa vào “Quy chế hiện khen thưởng đối với công tác quản lý và xây dựng nhà ở xã hội của các địa phương thuộc tỉnh”, Tỉnh Quý Châu đã tiến hành khen thưởng thông qua công tác đánh giá mục tiêu hàng năm, thực hiện phân cấp khen thưởng, xây dựng cuối cùng là xây dựng cơ chế đào thải. Khoản tiền vốn hỗ trợ của

tỉnh được chuyển thành khoản khen thưởng cấp tỉnh cho công tác cải tạo nhà ở, thông qua việc lấy cơ chế khen thưởng thay cho cách hỗ trợ áp dụng cho các địa phương. Tổng khoản tiền khen thưởng của năm 2014 của tỉnh là 44,805 triệu USD, cơ chế khen thưởng được chia thành 3 mức là 7,735 triệu USD, 3,094 triệu USD và 2,166 triệu USD; Ngoài ra tỉnh còn bình chọn 9 huyện kiểu mẫu về nhà ở xã hội được nhận khoản khen thưởng là 1,545 triệu USD. Năm 2015, tỉnh đã chi gần 92,7 triệu USD thông qua hình thức lấy khen thưởng thay cho hỗ trợ cho các địa phương.

4. Thống nhất tư tưởng, tích cực thúc đẩy tiền tệ hóa tái định cư nhà ở đột nát

Để quán triệt toàn diện tinh thần của các văn kiện “Ý kiến của Quốc vụ viện về việc tiến một bước làm tốt những công tác có liên quan về xây dựng cơ sở hạ tầng và cải tạo nhà ở xuống cấp ở đô thị nông thôn và khu vực nhà ở đột nát ở các địa phương”, tỉnh Quý Châu sau khi in ấn và phát hành tài liệu “Ý kiến của chính quyền tỉnh về việc làm tốt thực hiện công tác cải tạo khu nhà ở đột nát mà chính quyền mua” và “Ý kiến của chính quyền tỉnh về việc làm tốt việc thực hiện công tác tiền tệ hóa tái định cư cải tạo khu nhà ở đột nát”, xác định rõ ràng mục tiêu tiền tệ hóa tái định cư không được thấp dưới 50%, tổ chức hội nghị thúc đẩy công tác trên toàn tỉnh, thông qua cách lấy hội nghị thay cho công tác tập huấn, tăng cường biện pháp hoạt động, đảm bảo công tác tiền tệ hóa tái định cư nhà ở đột nát được thực hiện một cách nghiêm túc và toàn diện.

Sở Xây dựng Nhà ở, Đô thị và Nông thôn tỉnh Quý Châu

Theo Tạp chí Xây dựng đô thị và nông thôn số 1/2016

ND: Khánh Ly

BỘ XÂY DỰNG VÀ GIZ KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC THỰC HIỆN DỰ ÁN QUẢN LÝ NƯỚC THẢI TẠI CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2016



Bà Kirsten Heneger và ông Phạm Khánh Toàn thực hiện việc ký kết



Toàn cảnh Lễ ký kết